

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA: KINH TẾ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KÊ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ
THỂ NHÂN**



Giảng viên hướng dẫn	: T.S Phạm Thị Bích Vân
Tên sinh viên	: Nguyễn Thị Thùy Dung
Lớp	: 19KH
Mã số sinh viên	: 1954010030
Chuyên ngành	: Kế Toán

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2024

NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Thùy Dung

MSSV: 1954010030

Lớp: 19KH

Khóa: 2019 - 2023

Ngành: Kế toán

1. Tên đề tài khóa luận tốt nghiệp: Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.

2. Nội dung:

- Chương I: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.
- Chương II: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.
- Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.

3. Giảng viên hướng dẫn: Phạm Thị Bích Vân

4. Ngày giao khóa luận: 26/02/2024

5. Ngày hoàn thành khóa luận: 25/05/2024

Nội dung và yêu cầu khóa luận tốt nghiệp đã được thông qua Bộ môn.

Đà Nẵng, Ngày 25 tháng 05 năm 2024

Trưởng bộ môn

(ký, ghi rõ họ tên)

Giảng viên hướng dẫn

(ký, ghi rõ họ tên)

Sinh viên thực hiện

(ký, ghi rõ họ tên)

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện khóa luận, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các tập thể, cá nhân để em hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu này.

Lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc và chân thành đến BGH Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, các thầy cô trong Khoa Kinh Tế đã truyền đạt cho em những kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên môn trong suốt những năm qua và tạo điều kiện cho em làm khóa luận tốt nghiệp.

Em cũng xin trân trọng cảm ơn Quý Công Ty TNHH TM&DV THẾ NHÂN đã tạo điều kiện cho em có cơ hội thực tập, nhất là các anh chị tại phòng Kế Toán đã rất tận tình chỉ bảo em.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS. Phạm Thị Bích Vân, giáo viên hướng dẫn khóa luận này. Người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập và nghiên cứu đề tài này, từ khâu chọn đề tài đến những định hướng cụ thể, góp ý, nhận xét những điểm em cần sửa đổi, bổ sung để có thể hoàn thành tốt khóa luận.

Trong quá trình nghiên cứu vì nhiều lý do khách quan, chủ quan, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Em rất mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến của các thầy giáo, cô giáo và các bạn sinh viên.

Cuối cùng, em xin chúc quý Thầy, Cô cùng với các anh chị làm việc tại Công Ty TNHH TM&DV THẾ NHÂN sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Em xin chân thành cảm ơn!

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 05 năm 2024

Sinh viên

Nguyễn Thị Thùy Dung

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH¹

1.1 Những khái niệm liên quan đến bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	1
1.2 Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán	1
1.3 Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	3
1.4. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
1.4.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
1.4.2 Chứng từ sử dụng	5
1.4.3 Tài khoản sử dụng	5
1.4.4 Phương pháp hạch toán	6
1.5. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	6
1.5.1 Nội dung	6
1.5.2 Chứng từ sử dụng	7
1.5.3 Tài khoản sử dụng	8
1.5.4 Phương pháp hạch toán	8
1.6 Kế toán giá vốn hàng bán	9
1.6.1 Nội dung	9
1.6.2 Các phương pháp tính giá xuất kho	9
1.6.3 Chứng từ sử dụng	10
1.6.4 Tài khoản sử dụng	10
1.6.5 Phương pháp hạch toán	11
1.7 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	13
1.7.1 Nội dung	13
1.7.2 Chứng từ sử dụng	13
1.7.3 Tài khoản sử dụng	13
1.7.4 Phương pháp hạch toán	13
1.8 Kế toán chi phí tài chính	15
1.8.1 Nội dung	15
1.8.2 Chứng từ sử dụng	15
1.8.3 Tài khoản sử dụng	15
1.8.4 Phương pháp hạch toán	16
1.9 Kế toán chi phí bán hàng	17

1.9.1	Nội dung	17
1.9.2	Chứng từ sử dụng	17
1.9.3	Tài khoản sử dụng	17
1.9.4	Phương pháp hạch toán	18
1.10	Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	19
1.10.1	Nội dung	19
1.10.2	Chứng từ sử dụng	19
1.10.3	Tài khoản sử dụng	19
1.10.4	Phương pháp hạch toán	20
1.11	Kế toán thu nhập khác	21
1.11.1	Nội dung	21
1.11.2	Chứng từ sử dụng	21
1.11.3	Tài khoản sử dụng	21
1.11.4	Phương pháp hạch toán	22
1.12	Kế toán chi phí khác	23
1.12.1	Nội dung	23
1.12.2	Chứng từ sử dụng	24
1.12.3	Tài khoản sử dụng	24
1.12.4	Phương pháp hạch toán	24
1.13	Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	25
1.13.1	Nội dung	25
1.13.2	Chứng từ sử dụng	25
1.13.3	Tài khoản sử dụng	25
1.13.4	Phương pháp hạch toán	26
1.14	Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
1.14.1	Nội dung	26
1.14.2	Chứng từ sử dụng	27
1.14.3	Tài khoản sử dụng	27
1.14.4	Phương pháp hạch toán	28
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM&DV THẾ NHÂN		29
2.1	Tổng quan về công ty TNHH TM&DV Thế Nhân	29
2.1.1	Giới thiệu về công ty TNHH TM&DV Thế Nhân	29

2.1.2	Quá trình hình thành và phát triển.....	30
2.2.	Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân.....	30
2.2.1	Phương thức bán hàng.....	30
2.2.2	Phương thức thanh toán.....	31
2.2.3	Quy trình bán hàng.....	31
2.3	Đặc điểm tổ chức quản lí tại doanh nghiệp.....	32
2.3.1	Sơ đồ bộ máy quản lý.....	32
2.3.2	Chức năng từng bộ phận quản lý.....	32
2.4	Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân...	34
2.4.1	Sơ đồ bộ máy kế toán.....	34
2.4.2	Chức năng từng bộ phận.....	34
2.4.3	Chế độ và chính sách kế toán được công ty áp dụng.....	35
2.4.4	Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty.....	36
2.5	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH TM & DV Thế Nhân.....	37
2.5.1	Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.....	37
2.5.2	Chứng từ sử dụng:.....	37
2.5.3	Tài khoản sử dụng:.....	37
2.5.4	Sổ sách sử dụng.....	37
2.5.5	Quy trình ghi sổ.....	38
2.6	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	50
2.7	Kế toán giá vốn hàng bán.....	50
2.7.1	Nội dung.....	50
2.7.2	Chứng từ sử dụng:.....	50
2.7.3	Tài khoản sử dụng:.....	50
2.7.4	Sổ sách sử dụng.....	50
2.7.5	Quy trình ghi sổ:.....	50
2.8	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	57
2.8.1	Nội dung.....	57
2.8.2	Chứng từ sử dụng.....	57
2.8.3	Tài khoản sử dụng.....	57
2.8.4	Sổ sách sử dụng.....	57

2.8.5 Quy trình ghi sổ	57
2.9 Kế toán chi phí tài chính	61
2.10 Kế toán chi phí bán hàng	61
2.11 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	61
2.11.1 Nội dung	61
2.11.2 Chứng từ sử dụng	61
2.11.3 Tài khoản sử dụng	61
2.11.4 Sổ sách sử dụng	61
2.11.5 Quy trình ghi sổ	61
2.12 Kế toán thu nhập khác	68
2.13 Kế toán chi phí khác	68
2.14 Kế toán chi phí thuế TNDN	68
2.14.1 Nội dung	68
2.14.2 Tài khoản sử dụng	68
2.14.3 Chứng từ sử dụng	68
2.14.4 Sổ sách sử dụng	68
2.14.5 Quy trình ghi sổ	68
2.15 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	71
2.15.1 Nội dung	71
2.15.2 Chứng từ sử dụng	71
2.15.3 Tài khoản sử dụng	71
2.15.4 Sổ sách sử dụng	71
2.15.5 Quy trình ghi sổ	71
CHƯƠNG III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC	
BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY	
TNHH TM&DV THẾ NHÂN	76
3.1 Đánh giá thực trạng công tác bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân	76
3.1.1 Nhận xét, đánh giá chung về công tác bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân.	76
3.1.2 Ưu điểm	76
3.1.3 Nhược điểm	77

3.2.1 Yêu cầu hoàn thiện thiện công tác bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân	78
3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân	78
<i>3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH TM&DV Thế Nhân</i>	<i>79</i>

DANH MỤC VIẾT TẮT

1	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
2	TM&DV	Thương mại và Dịch vụ
3	HH	Hàng hóa
4	TP	Thành phẩm
5	DV	Dịch vụ
6	GTGT	Giá trị gia tăng
7	TSCĐ	Tài sản cố định
8	CCDC	Công cụ dụng cụ
9	CKTM	Chiết khấu thương mại
10	GGHB	Giảm giá hàng bán
11	KC	Kết chuyển
12	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
14	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
15	BH	Bán hàng
16	CCDV	Cung cấp dịch vụ
17	LN	Lợi nhuận
18	LNKT	Lợi nhuận kế toán
19	TK	Tài khoản
20	UNC	Ủy nhiệm chi
21	KQKD	Kết quả kinh doanh

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán kế toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM & DV Thế Nhân

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH TM & DV Thế Nhân

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 2.1: Bảng báo giá ngày 20/08/2022

Hình ảnh 2.2: Hóa đơn GTGT số 17 ngày 20/08/2022

Hình ảnh 2.3: Hóa đơn GTGT số 23 ngày 23/09/2022

Hình ảnh 2.4: Bảng tổng hợp chi tiết nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa

Hình ảnh 2.5: Giấy báo có của ngân hàng Sacombank

Hình ảnh 2.6: Giấy báo nợ của ngân hàng Sacombank

Hình ảnh 2.7: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

Hình ảnh 2.8: Bảng thanh toán tiền lương tháng 6/2022

Hình ảnh 2.9: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2022

Hình ảnh 2.10: Phụ lục Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

LỜI MỞ ĐẦU

Trong cơ chế mới, với sự hoạt động của nhiều ngành kinh tế, tính độc lập, tự chủ của mỗi doanh nghiệp ngày càng cao hơn. Mỗi doanh nghiệp phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh và phải chịu trách nhiệm trước kết quả kinh doanh của mình, bảo toàn được vốn kinh doanh và quan trọng hơn là kinh doanh có lãi. Muốn như vậy, các doanh nghiệp phải nhận thức được vị trí khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa vì nó quyết định đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và là cơ sở để doanh nghiệp có thu nhập bù đắp chi phí bỏ ra, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước.

Bên cạnh đó, mục đích hoạt động của doanh nghiệp là lợi nhuận nên việc xác định chính xác kết quả kinh doanh nói chung và kết quả bán hàng nói riêng là rất quan trọng. Do vậy, bên cạnh các biện pháp quản lý chung, việc tổ chức hợp lý công tác kế toán bán hàng là rất cần thiết giúp doanh nghiệp có đầy đủ thông tin kịp thời và chính xác để giúp các nhà quản trị đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn.

Doanh nghiệp kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao là cơ sở để doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển vững chắc trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh sôi động và quyết liệt.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác kế toán bán hàng, vận dụng lý thuyết em đã học tập tại trường kết hợp với thực tế thu nhận được từ công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân, em quyết định lựa chọn đề tài: ***“Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.”*** để nghiên cứu và làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung khóa luận tốt nghiệp gồm 3 phần:

Chương I: Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Hệ thống lại cơ sở lý luận về công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh đã được học trong trường đại học làm cơ sở để giải quyết các mục tiêu tiếp theo của đề tài.

Chương II: Thực trạng về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.

Chương này làm rõ về lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ; tình hình về lao động, tài sản, nguồn vốn, tình hình kết quả kinh doanh cũng như công tác tổ chức bộ máy quản lý của công ty trong những năm vừa qua.

Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân..

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.

Dựa trên phương pháp so sánh giữa cơ sở lý luận và thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân, em đã có một số nhận xét về kế toán tại công ty. Từ đó, theo quan điểm chủ quan của mình, em đã đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Với kiến thức còn hạn chế của mình nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ dẫn của cô Phạm Thị Bích Vân, các thầy cô giáo trong khoa Kế Toán Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng, các anh chị cán bộ kế toán của phòng kế toán- tại Công ty TNHH TM & DV Thế Nhân để em hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Những khái niệm liên quan đến bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

Bán hàng hay còn gọi là tiêu thụ hàng hóa, là quá trình các doanh nghiệp thực hiện việc chuyển trao đổi hàng hóa thông qua các phương tiện thanh toán để thực hiện giá trị của hàng hóa. Trong quá trình đó doanh nghiệp chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng đồng thời khách hàng phải trả cho doanh nghiệp một khoản tiền tương ứng với giá bán tương ứng với giá bán hàng hóa theo giá thỏa thuận hoặc chấp nhận giá thanh toán.

Theo VAS 01 – Chuẩn mực chung:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường góp phần làm tăng chủ sở hữu, không bao gồm khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Doanh thu phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và thường bao gồm: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia,...

Theo VAS 01 – Chuẩn mực chung:

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho các cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí bao gồm các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác:

➤ Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,...

➤ Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền do bị vi phạm hợp đồng,...

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định.

1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán

a. Các phương thức bán hàng.

Bán buôn hàng hóa là hình thức bán hàng cho các đơn vị thương mại, các doanh nghiệp sản xuất, thường được bán theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Trong bán buôn thường bao gồm hai hình thức:

❖ Bán buôn hàng hóa qua kho là hàng hóa được mua vào và dự trữ trong kho sau đó xuất ra bán. Bán buôn hàng hóa qua kho có thể thực hiện dưới hai hình thức:

➤ Bán buôn hàng hóa qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: Doanh nghiệp xuất kho hàng hóa và giao trực tiếp cho đại diện bên mua.

➤ Bán buôn hàng hóa qua kho theo hình thức chuyển hàng: Căn cứ vào hợp đồng hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng.

❖ Bán buôn hàng hóa không qua kho là hình thức doanh nghiệp mua hàng hóa để bán ngay mà không qua nhập kho. Bán buôn không qua kho có thể thực hiện hai hình thức:

➤ Bán buôn hàng hóa không qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: Doanh nghiệp sau khi mua hàng, giao trực tiếp cho đại diện bên mua tại kho người bán. Sau khi đại diện bên mua ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác nhận là tiêu thụ.

➤ Bán buôn hàng hóa không qua kho theo hình thức chuyển hàng: Doanh nghiệp sau khi mua hàng, nhận hàng mua, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài vận chuyển hàng đến giao cho bên mua ở địa điểm được thỏa thuận. Hàng hóa chuyển bán trong trường hợp này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi nhận được tiền của bên mua thanh toán hoặc giấy báo của bên mua đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì mới được xác định là tiêu thụ.

❖ Bán lẻ là việc mua sản phẩm từ các nhà sản xuất, nhà bán buôn hoặc công ty bán lẻ lớn và bán lại cho người tiêu dùng cuối cùng. Bán lẻ thường áp dụng các phương thức sau:

➤ Bán hàng thu tiền trực tiếp: Nghiệp vụ bán hàng hoàn thành trực diện với khách hàng. Khách hàng thanh toán tiền, người bán hàng giao hàng cho khách hàng.

➤ Bán hàng thu tiền tập trung: Khách hàng đưa tiền cho người thu tiền và nhận hóa đơn để nhận hàng tại quầy giao hàng do một nhân viên bán hàng khác đảm nhận.

➤ Bán hàng theo hình thức khách hàng tự chọn: Người mua tự chọn hàng rồi mang đến bộ phận thu ngân thanh toán. Bộ phận thu ngân tính và thu tiền.

➤ Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Doanh nghiệp bán hàng chỉ thu một phần tiền hàng của khách hàng, phần còn lại khách hàng sẽ trả dần và phải chịu số tiền lãi nhất định.

➤ Bán hàng theo phương thức đại lý: Doanh nghiệp bán ký hợp đồng với cơ sở đại lý, giao hàng cho các cơ sở này bán và trả hoa hồng bán hàng cho họ.

b. Các phương thức và hình thức thanh toán

❖ Phương thức thanh toán:

➤ Phương thức thanh toán trực tiếp: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được thực hiện ngay khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa. Việc thực hiện thanh toán trực tiếp có thể bằng tiền mặt, ngân phiếu, séc hoặc có thể bằng hàng hóa. Đối với những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay, những khách hàng mua hàng với số lượng ít, không thường xuyên hoặc khách hàng mới.

➤ Phương thức thanh toán trả chậm: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển giao sau một khoảng thời gian so với thời điểm chuyển quyền sở hữu về hàng hóa, do đó hình thành khoản công nợ phải thu khách hàng. Nợ phải thu cần được hạch toán quản lý chi tiết cho từng đối tượng phải thu và ghi chép theo từng lần thanh toán, ở thích thức này, sự vận động của hàng hóa và tiền tệ có khoảng cách về không gian và thời gian.

➤ Phương thức thanh toán trả trước: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển giao trước thời điểm nhận hàng hóa. Phương thức này thường được áp dụng cho những khách hàng có nhu cầu đặt mua một lúc với số lượng lớn mà công ty không thể đáp ứng được.

❖ Hình thức thanh toán:

➤ Thanh toán bằng tiền mặt: Việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời.

➤ Thanh toán qua ngân hàng: Người mua có thể thanh toán bằng các loại séc, thanh toán ủy nhiệm chi, thanh toán ủy nhiệm thu, các tài sản tương đương khác...

1.2 Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý quá trình tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán có những nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh tình hình về tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh như số lượng tiêu thụ, doanh thu bán hàng
- Ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ, chi tiết sự biến động của hàng hóa ở tất cả trạng thái: hàng đi đường, hàng trong kho, hàng gia công chế biến, hàng gửi đại lý, ... nhằm đảm bảo an toàn cho hàng hóa.
- Tính toán chính xác giá vốn, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Cung cấp thông tin kịp thời về tình hình bán hàng phục vụ cho lãnh đạo điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phản ánh và giám sát tình hình thực hiện kết quả bán hàng, cung cấp số liệu, kịp thời để đánh giá hiệu quả bán hàng cũng như việc thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

1.4 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Căn cứ điều 78 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ điều 78 Thông tư 200/2014/TT-BTC quy định:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.4.2 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Thẻ quầy hàng
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: *Phiếu thu, giấy báo có,...*
- Các chứng từ liên quan khác như: *Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại,...*

1.4.3 Tài khoản sử dụng

Căn cứ theo **Điều 79 thông tư 200/2014/TT-BTC** hướng dẫn chế độ kế toán cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản này có 6 tài khoản cấp 2:

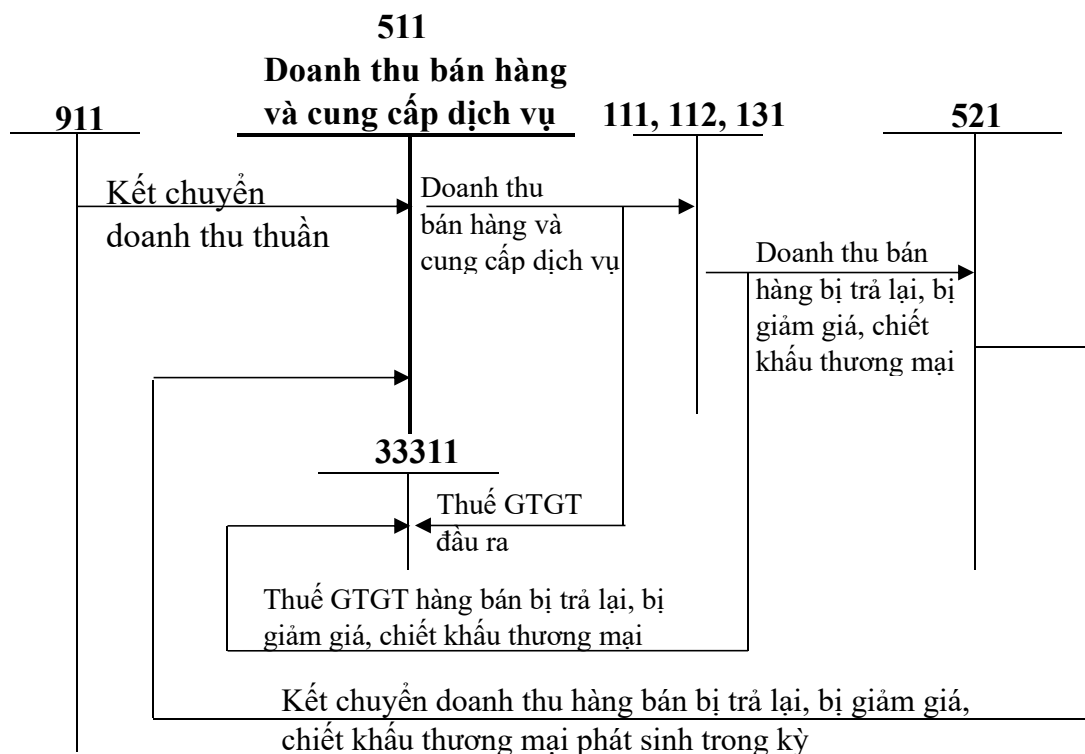
- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118: Doanh thu khác

❖ Kết cấu của tài khoản:

NỢ	TK 511- Doanh thu BH và CCDV	CÓ
+ Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT; TTĐB, thuế xuất khẩu, BVMT – Các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển cuối kỳ: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại – Kết chuyển sang 911- Xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ.	✕	+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

1.4.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ

1.5 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.1 Nội dung

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC:

Các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng và hàng đã bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Có 2 hình thức chiết khấu thương mại như sau đây:

- Chiết khấu theo từng lần mua hàng: Giá bán viết trên hóa đơn là giá đã trừ khoản chiết khấu thương mại và không hạch toán vào tài khoản chiết khấu thương mại này.

- Chiết khấu khi đạt số lượng, doanh số về dịch vụ, hàng hóa, khi đó tiền chiết khấu sẽ trừ ở kỳ tiếp theo hoặc khi kết thúc chương trình (bên bán sẽ ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa chiết khấu):

- + Nếu số tiền chiết khấu nhỏ hơn giá trị hóa đơn xuất ở kỳ tiếp theo hoặc khi kết thúc chương trình, thì được trừ trực tiếp trên hóa đơn đó;

- + Nếu số tiền chiết khấu lớn hơn giá trị hóa đơn xuất ở kỳ tiếp theo hoặc khi kết thúc chương trình, xuất hóa đơn chiết khấu riêng cho người mua.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- Đối với hàng bán bị trả lại: Là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

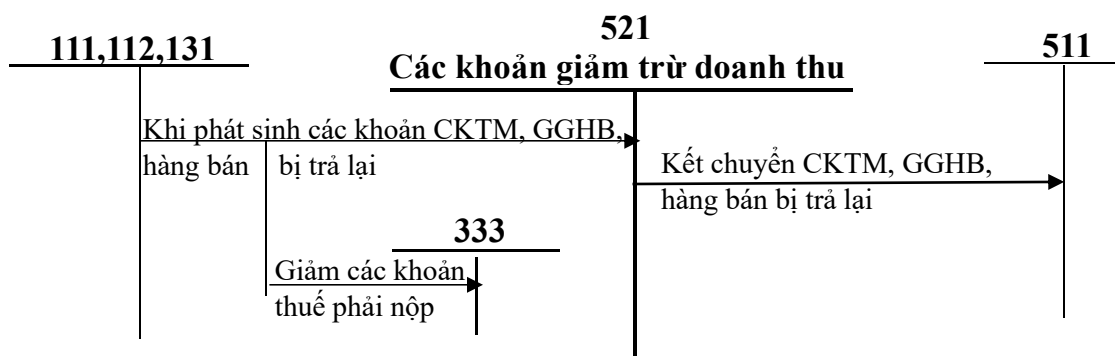
1.5.2 Chứng từ sử dụng

- Đối với chiết khấu thương mại, các chứng từ kế toán bao gồm:
 - Văn bản về chính sách chiết khấu thương mại
 - Hợp đồng kinh tế, biên bản chiết khấu thương mại
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi
 - Phiếu giao hàng
- Đối với giảm giá hàng bán, các chứng từ kế toán bao gồm:
 - Hóa đơn GTGT
 - Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán
 - Biên bản giảm giá hàng bán
 - Phiếu giao hàng
 - Hợp đồng kinh tế
- Đối với hàng bán bị trả lại, các chứng từ kế toán bao gồm:
 - Hóa đơn GTGT, Hợp đồng bán hàng (nếu có)
 - Hợp đồng kinh tế
 - Văn bản đề nghị trả lại hàng hóa
 - Phiếu nhập kho
 - Phiếu chi
 - Giấy báo nợ

1.5.3 Tài khoản sử dụng

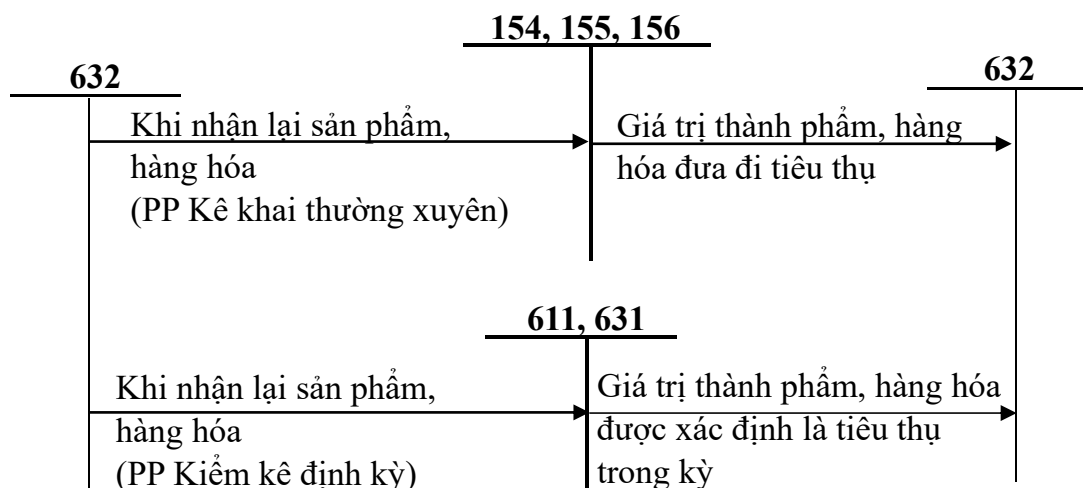
Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán hạch toán vào TK 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu ”.

1.5.4 Phương pháp hạch toán

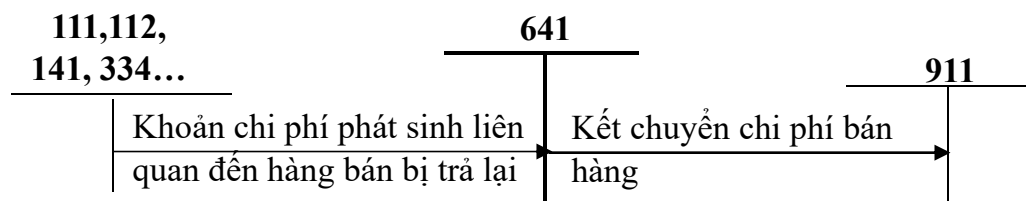


Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ Kế toán nhận lại sản phẩm hàng hóa:



➤ Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại



1.6 Kế toán giá vốn hàng bán

1.6.1 Nội dung

Giá vốn hàng bán là một loại chi phí, phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

1.6.2 Các phương pháp tính giá xuất kho

Theo điều 23 Thông tư 200/2014/TT-BTC:

Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định giá vốn hàng bán:

- ❖ **Phương pháp đích danh:** Là cách tiếp cận dựa trên giá trị thực tế của từng mặt hàng được mua vào hoặc sản xuất ra. Đối với mỗi sản phẩm, giá đích danh này là giá trị thực tế tương ứng với quá trình mua bán hoặc sản xuất.
- ❖ **Phương pháp bình quân gia quyền:** Theo phương pháp này tính giá trị hàng tồn kho bằng cách lấy giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị của từng loại hàng tồn kho nhập hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo cả kỳ dự trữ (hay còn gọi là phương pháp bình quân cuối kỳ) hoặc sau mỗi lần nhập (hay còn gọi là phương pháp bình quân tức thời).
- ❖ **Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ (còn được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ):** Giá vốn hàng hóa được tính bằng giá trị và số lượng của loại hàng hóa tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ. Công thức:

	Giá trị tồn kho đầu kỳ	+	Giá trị hàng tồn nhập trong kỳ
Đơn giá xuất kho	=	$\frac{\text{Giá trị tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng tồn nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng tồn kho nhập trong kỳ}}$	
		Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ	Số lượng hàng tồn kho nhập trong kỳ

Theo phương pháp giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (hay còn được gọi là bình quân gia quyền di động hoặc bình quân tức thời) bước quan trọng là xác định lại giá trị tồn kho sau mỗi lần nhập hàng cho từng loại hàng. Công thức:

Đơn giá xuất kho lần thứ n	=	$\frac{\text{Giá trị hàng tồn kho trước lần xuất thứ n}}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa còn tồn trước lần xuất thứ n}}$
----------------------------	---	---

- ❖ **Phương pháp tính theo giá nhập trước, xuất trước (FIFO):** Phương pháp nhập trước, xuất trước dựa trên giả định rằng hàng tồn kho mua hoặc sản xuất trước đây sẽ được ưu tiên xuất trước, trong khi giá trị tồn kho cuối kỳ phản ánh giá trị gần nhất được mua hoặc sản xuất trước thời điểm đó.

- ❖ Ngoài 3 phương pháp chính trên Thông tư 200/2014/TT-BTC còn đề cập đến phương pháp giá bán lẻ, áp dụng cho 1 số ngành đặc thù như bán lẻ, siêu thị.

1.6.3 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp phiếu nhập- xuất – tồn

1.6.4 Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, tài khoản sử dụng để phản ánh giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

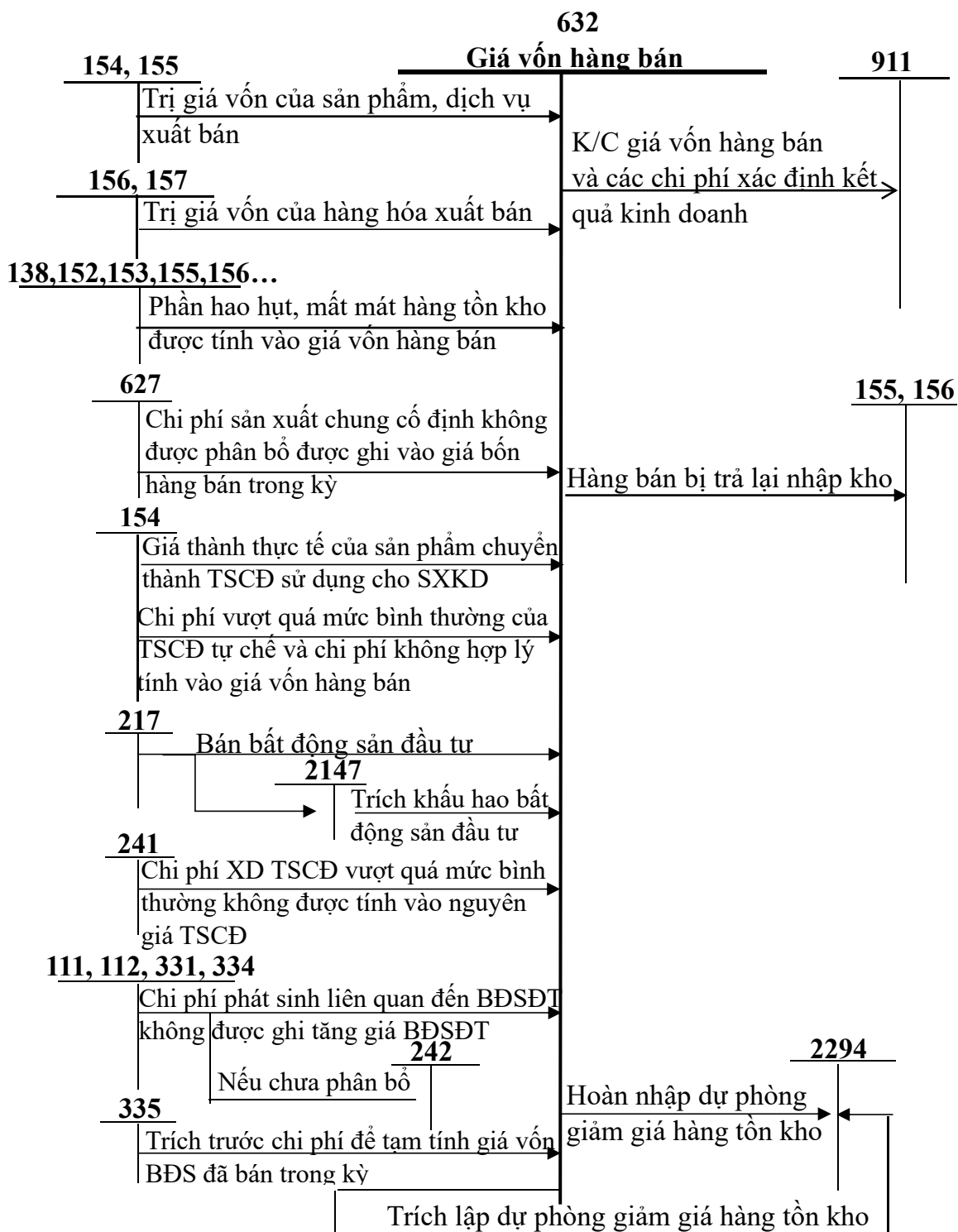
- ❖ **Kết cấu tài khoản:**

➤ Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh: - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). ➤ Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh: - Số khấu hao BĐS đầu tư dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ; - Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; - Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ; - Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ; - Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ; - Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh). - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi
--	---

TK 632 “Giá vốn hàng bán” không có số dư cuối kỳ

1.6.5 Phương pháp hạch toán

❖ Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.7 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.7.1 Nội dung

- Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, và lợi ích kinh tế này thu được từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Cụ thể như:
- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; . .
- Cổ tức lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.7.2 Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Sổ phụ ngân hàng
- Sao kê ngân hàng

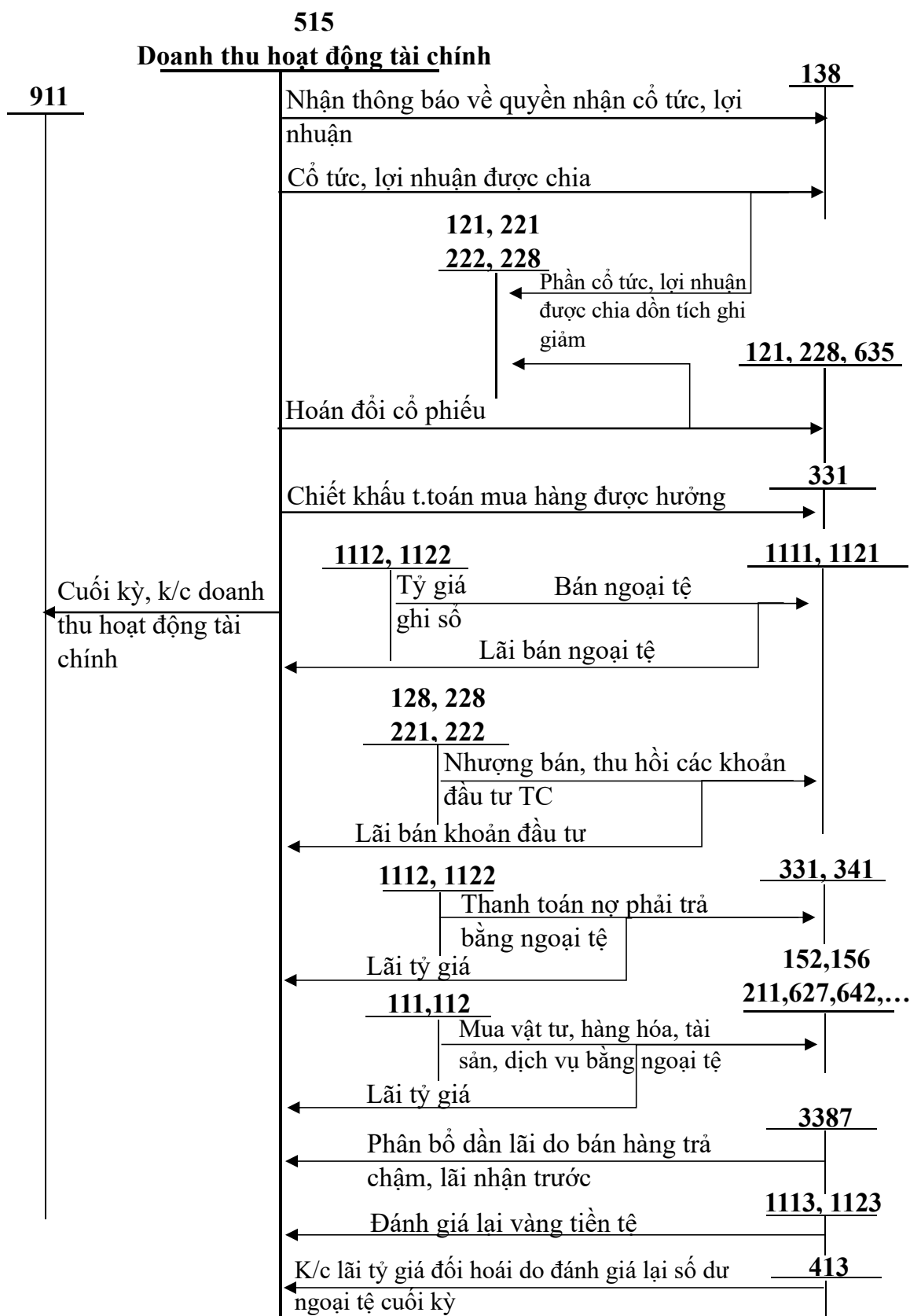
1.7.3. Tài khoản sử dụng.

Theo điều 80 thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.

❖ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 515	CÓ
+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		
	X	
Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ		

1.7.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.8 Kế toán chi phí tài chính

1.8.1 Nội dung

Chi phí tài chính là tất cả các loại chi phí có liên quan đến hoạt động tài chính trong kỳ bao gồm các khoản sau:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

1.8.2 Chứng từ sử dụng

- Sao kê ngân hàng, sổ phụ ngân hàng
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ
- Bảng tính lãi vay

1.8.3 Tài khoản sử dụng

Theo khoản 2 điều 90 thông tư 200/2014/TT-BTC, hướng dẫn chế độ kế toán cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

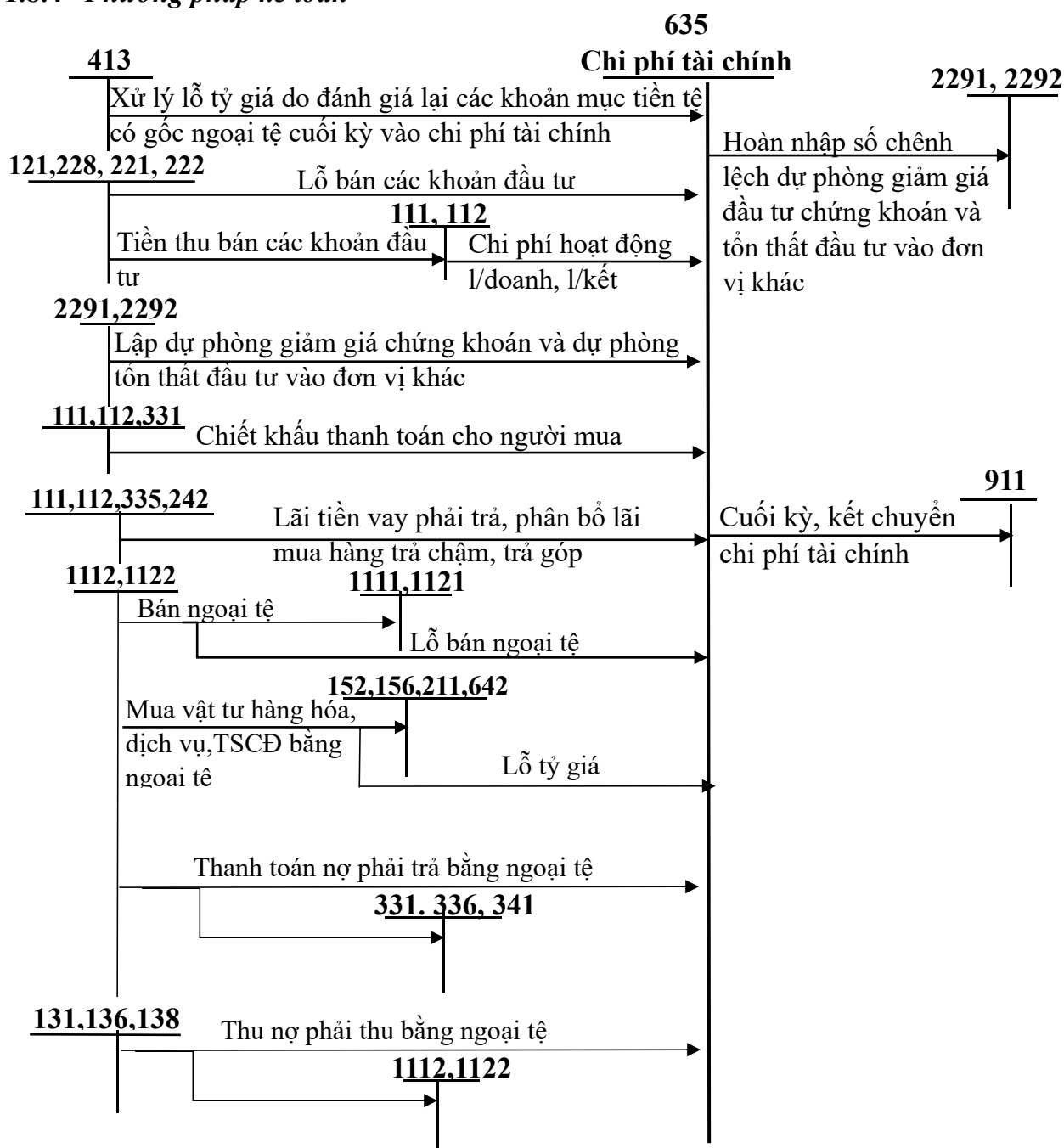
- Tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí tài chính như chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh.
- TK này có 2 tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 6351 – Chi phí hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi
- Tài khoản 6358 – Chi phí tài chính khác

❖ **Kết cấu tài khoản:**

NỢ	TK 635	CÓ
+ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; + Lỗ bán ngoại tệ; + Chiết khấu thanh toán cho người mua; + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; + Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

X
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.8.4 Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí tài chính

1.9 Kế toán chi phí bán hàng

1.9.1 Nội dung

Chi phí bán hàng dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới

thiệt sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

1.9.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng (chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh ở bộ phận bán hàng)
- Bảng phân bổ CCDC; Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, giấy báo Có...

1.9.3 Tài khoản sử dụng

Theo khoản 1 điều 91 của thông tư 200/2014/TT-BTC, để hạch toán chi phí bán hàng, kế toán sử dụng Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

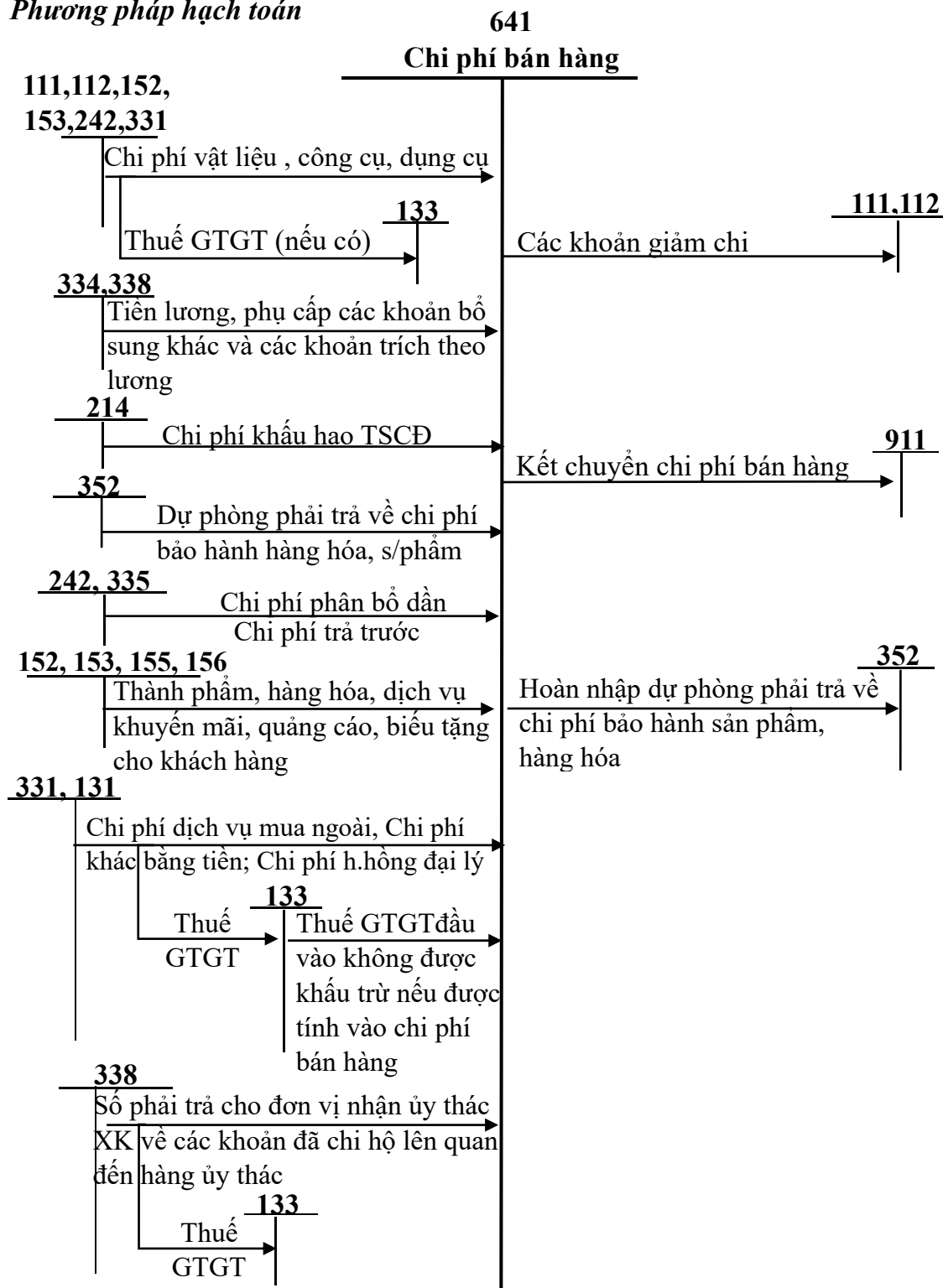
Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

❖ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 641	CÓ
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.		+ Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; + Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
	✕	
	Tài khoản 641 không có số dư cuối	

1.9.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

1.10 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.10.1 Nội dung

Chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...).
- Chi phí về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp.
- Tiền thuê đất, thuê môn bài.
- Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi.
- Chi phí về dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...).
- Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.10.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Thông báo nộp BHXH, BHYT, BHTN
- Bảng tính lương và thanh toán tiền lương
- Bảng chấm công
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Bảng tính trích khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng, ...

1.10.3 Tài khoản sử dụng

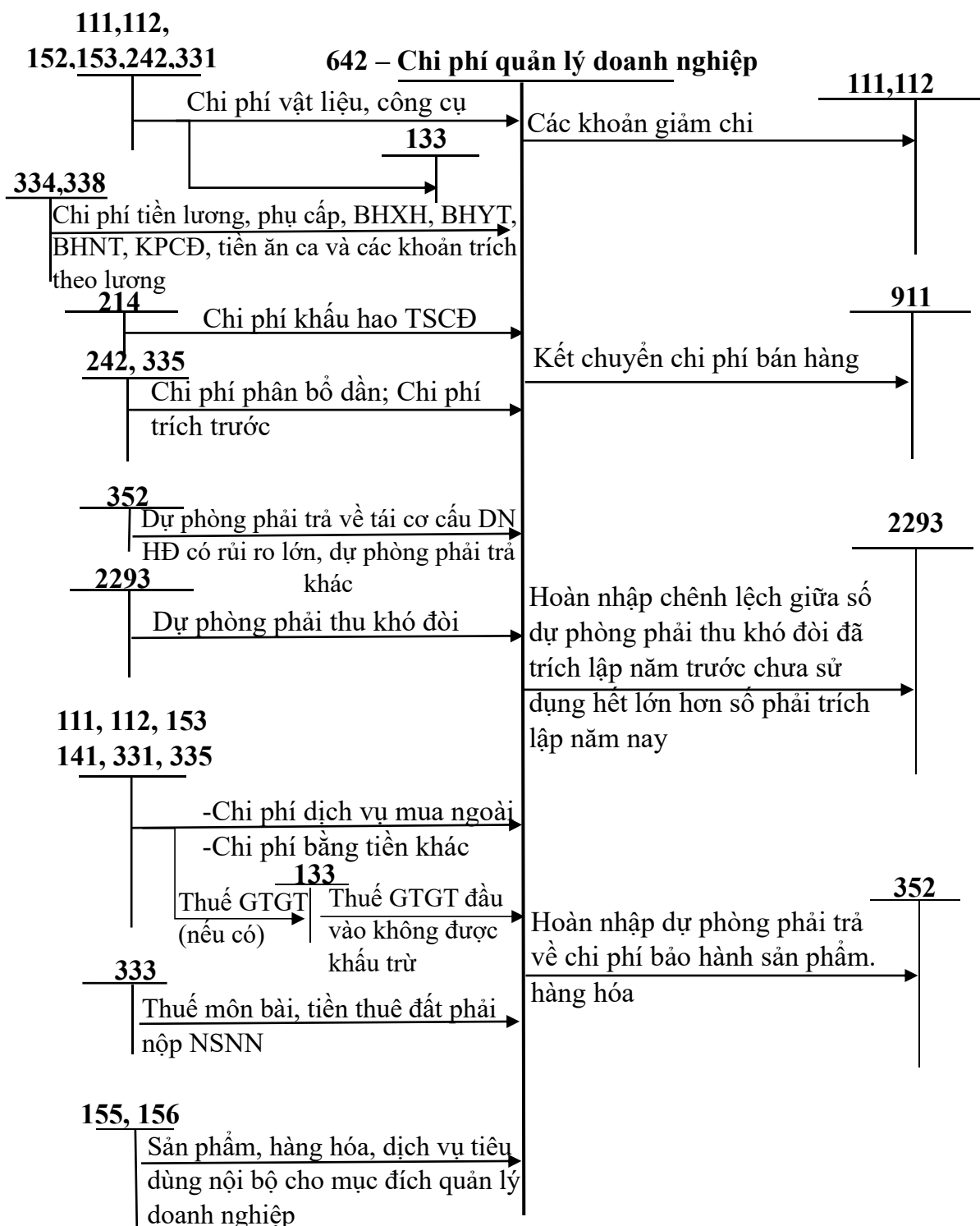
Theo quy định của thông tư 200/2014/TT-BTC, để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

❖ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 642	CÓ
+ Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.		+ Khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ
+ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		+ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
		+ Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.10.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.11 Kế toán thu nhập khác

1.11.1 Nội dung

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC

Kế toán thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.11.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Phiếu thu
- Biên bản giao nhận, thanh lý TSCĐ

1.11.3 Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, tài khoản sử dụng để hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711.

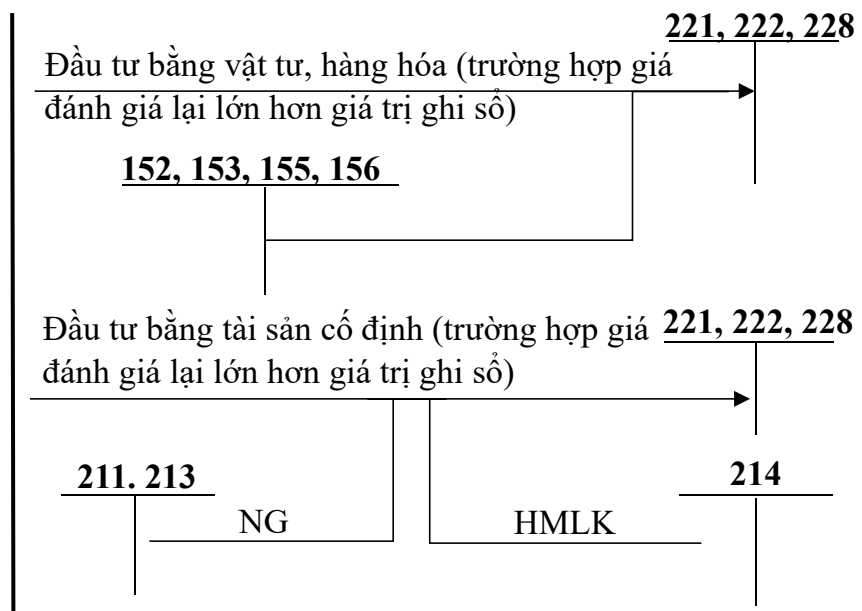
❖ **Kết cấu tài khoản:**

NỢ	TK 711	CÓ
+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.	C	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.11.4 Phương pháp hạch toán

911	711 – Thu nhập khác	111,112
Kết chuyển thu nhập khác vào TK 911	Thu phạt khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế, tiền các tổ chức bảo hiểm bồi thường	
		338, 344
	Tiền phạt tính trừ vào khoản nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn, dài hạn	152,156,211
333 Các khoản thuế trừ vào thu nhập khác (nếu có)	Nhận tài trợ, biếu tặng vật tư, hàng hóa, TSCĐ	
		111, 112
	Thu được khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ	331, 338
	Tính vào thu nhập khác khoản nợ phải trả không xác định được chủ	333
	Các khoản thuế XNK, TTĐB, BVMT được NSNN hoàn lại	3387
	Định kỳ phân bổ doanh thu chưa thực hiện nếu được tính vào thu nhập khác	352
	Hoàn nhập số dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp không sử dụng hoặc chỉ bảo hành thực tế nhỏ hơn số đã trích trước	152, 153, 155, 156
	Đánh giá tăng giá trị tài sản khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp	



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác

1.11 Chi phí khác

1.11.1 Nội dung

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (TSCĐ) (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.11.2 Chứng từ sử dụng

- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt
- Phiếu chi

- Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi

1.11.3 Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng tài khoản 811 “Chi phí khác”



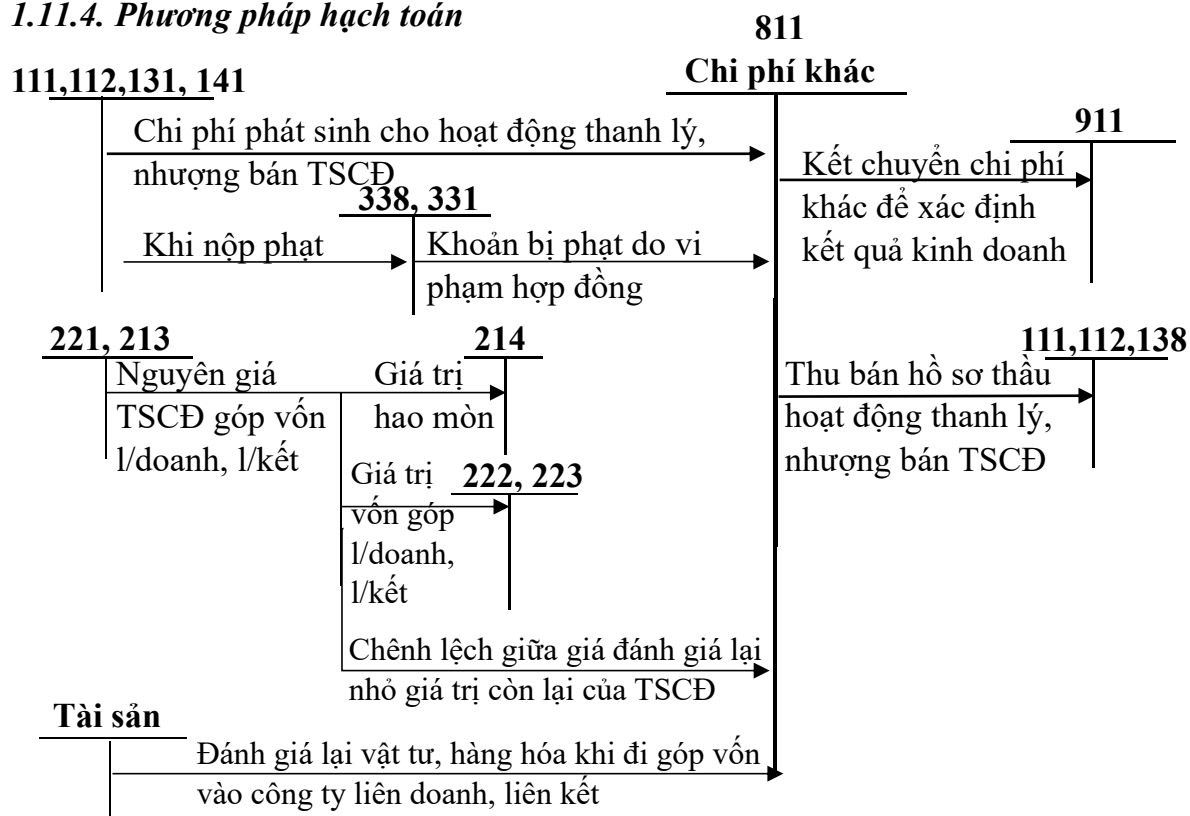
TK 811 “Chi phí khác” không có tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ

❖ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 811	CÓ
+ Các khoản chi phí khác phát sinh.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✕
Tài khoản 811 – Chi phí khác không có số dư cuối kỳ

1.11.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác

1.12 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.12.1 Nội dung

Thuế TNDN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế	x	Thuế suất thuế TNDN
Thuế TNDN phải nộp	=	(Thu nhập tính thuế – Phần trích lập quỹ KH&CN)	x	Thuế suất thuế TNDN
Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	–	(Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển)
Thu nhập chịu thuế	=	(Doanh thu – Chi phí được trừ)	+	Các khoản thu nhập khác

1.12.2 Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán TNDN
- Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước.
- Thông báo thuế và biên lai nộp thuế,...

1.12.3 Tài khoản sử dụng

Theo quy định của thông tư 200/2014/TT-BTC, để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 821	CÓ
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; + Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả + Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; + Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; + Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại + Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

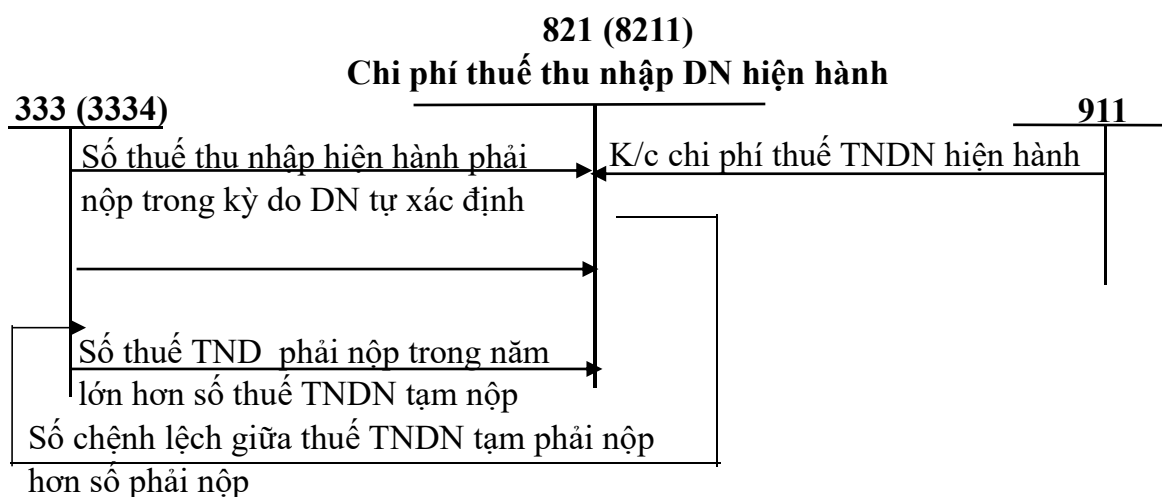
+ Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại
+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

1.12.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.13 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.13.1 Nội dung

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định. Biểu hiện của kết quả kinh doanh là số lãi (hoặc số lỗ) và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo công thức sau:

Doanh thu thuần về BH và CCDV	=	Doanh thu BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
LN gộp về BH và CCDV	=	Doanh thu thuần về BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán

LN thuần từ hoạt động kinh doanh	=	LN gộp về BH và CCDV	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	Chi phí bán hàng
Lợi nhuận khác				=	Thu nhập khác			-	Chi phí khác	
Tổng LNKT trước thuế				=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			+	Lợi nhuận khác	
Tổng LNKT sau thuế				=	Tổng LNKT trước thuế			-	Chi phí thuế TNDN	

1.13.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Phiếu kết chuyển

1.13.3 Tài khoản sử dụng

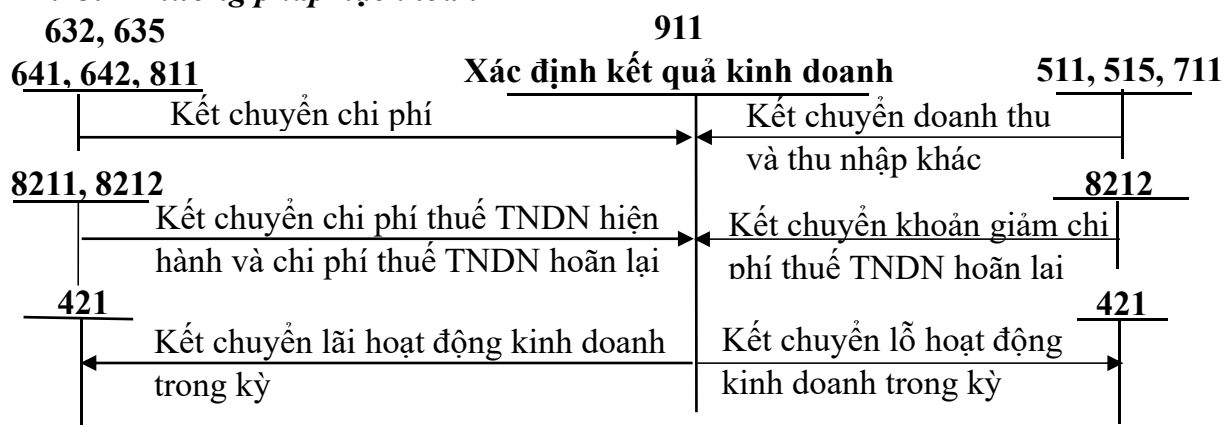
Theo thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, tài khoản sử dụng để hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”

❖ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 911	CÓ
+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. + Kết chuyển lãi.	X	+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản và dịch vụ đã bán trong kỳ. + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. + Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh không có số dư cuối kỳ

1.13.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN

2.1 Tổng quan về công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân

2.1.1 Giới thiệu về công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân

Loại hình công ty: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên

Tên công ty: Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Thế Nhân

Nơi đăng ký quản lý: chi cục Thuế TP Đồng Hới

Giám đốc: Nguyễn Thế Nhân

Địa chỉ trụ sở: 155 Lý Thánh Tông, Thôn 7 – Xã Lộc Ninh – TP Đồng Hới – Tỉnh Quảng Bình

MST: 3100492456

SĐT: 052.3829.694

DD: 0983.386.772

Ngày cấp GP: 15/10/2009

Ngày hoạt động: 20/10/2009

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

VĐL: 3.000.000.000 (Bằng chữ: ba tỷ đồng)

Mail: nguyenthenhan0612@gmail.com

Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần góp vốn (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức
1	NGUYỄN THẾ NHÂN	Việt Nam	Thôn 7 – Xã Lộc Ninh – TP Đồng Hới – Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	2.500.000.000	83,333	044072010898
2	HOÀNG THỊ HỒNG THẨM	Việt Nam	155 Lý Thánh Tông, Xã Lộc Ninh – TP Đồng Hới – Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	500.000.000	16,667	044179008110

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Thế Nhân là công ty TNHH 2 thành viên trở lên có trụ sở tại 155 Lý Thánh Tông, thôn 7, Xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

Từ khi thành lập công ty trải qua rất nhiều khó khăn về vốn, kinh nghiệm chưa có nhiều, nguồn lực chưa đảm bảo, khó tìm kiếm khách hàng nhưng với mục tiêu đề ra đem lại sản phẩm tốt nhất cho khách hàng. Công ty không ngừng học hỏi ứng dụng công nghệ, trang bị máy móc hiện đại, nâng cao nguồn nhân lực, áp dụng quy trình chuẩn mực theo đúng quy định của nhà nước để đạt được mục tiêu đề ra. Đến nay thì công ty đã đạt được khoảng 1000 khách hàng tương ứng với hơn 100 sản phẩm tiêu thụ.

Sau gần 13 năm hoạt động công ty đã đạt được những thành quả nhất định cụ thể là một trong những công ty hàng đầu về ngành cơ khí khu vực tỉnh Quảng Bình, tạo được uy tín với nhiều khách hàng dựa trên việc lắng nghe và không ngừng đổi mới, hoàn thiện nâng cao chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

2.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân

Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân đã có chỗ đứng trong thị trường trong lĩnh vực cơ khí. Hàng tồn kho của công ty là nhiều loại hàng hoá mua vào chuẩn bị bán hoặc công cụ dụng cụ mua về để sử dụng, vật tư. Hàng hóa chủ yếu ở công ty bao gồm:

- ❖ Các mặt hàng về vật liệu cơ khí như: Sắt, nhôm, thép, inox, gang, dây hàn, que hàn, thuốc hàn bộ tản nhiệt,...
- ❖ Phân phối độc quyền máy hàn điện tử như: máy hàn que, máy hàn tig, máy hàn mag, máy hàn mig, máy hàn plasma, máy hàn đa năng, biến thế hàn, kính hàn điện tử, máy hàn bấm, phụ kiện máy hàn.
- ❖ Hiện nay công ty đã bổ sung thêm nhiều mặt hàng như máy hàn RILAND, máy hàn Hồng Ký, máy cắt PLASMA CÔNG NGHIỆP, máy hàn nổi hơi,...

Bên cạnh đó, công ty còn chuyên hàn sửa chữa, gia công cơ khí là một dịch vụ quan trọng góp phần tạo doanh thu cho doanh nghiệp.

Công ty đang có tất cả hệ thống phân phối là các cửa hàng nhỏ trong tỉnh Quảng Bình ví dụ như:

- ❖ Đồng Hới: cửa hàng Tình Huệ, cửa hàng Bình Bưởi, cửa hàng Tùng Lâm
- ❖ Lệ Thủy: cửa hàng Tình Huệ
- ❖ Ròn: cửa hàng Tư Bông
- ❖ Hoàn Lão: cửa hàng Nghĩa Thom

2.2.1 Phương thức bán hàng

Các phương thức bán hàng: Nghiệp vụ bán hàng của công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân được thực hiện qua 2 phương thức:



Bán hàng qua điện thoại: Khách hàng sẽ gọi điện thoại đến công ty để đặt hàng khi có nhu cầu. Công ty sử dụng phương tiện vận tải của mình xuất hàng kèm theo

hóa đơn bán lẻ tới địa chỉ của bên mua. Khi khách hàng kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu về số hàng đã giao. Chi phí vận chuyển do doanh nghiệp chịu hay bên mua chịu là do sự thỏa thuận từ trước giữa hai bên. Nếu doanh nghiệp chịu chi phí vận chuyển, sẽ được ghi vào chi phí bán hàng. Nếu bên mua chịu chi phí vận chuyển, sẽ phải thu tiền của bên mua.

✚ **Bán hàng tại công ty:** Khách hàng tới trực tiếp cửa hàng của công ty để mua hàng. Công ty xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua kèm hóa đơn GTGT (liên2).

2.2.2 Phương thức thanh toán

Công ty áp dụng các phương thức thanh toán như sau:

- ✚ Thanh toán bằng tiền mặt;
- ✚ Thanh toán bằng chuyển khoản (ngân hàng Sacombank) áp dụng cho khách hàng trả sau.

2.2.3 Quy trình bán hàng

➤ **Đối với khách hàng lớn:**

Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng thì sẽ gọi điện thoại đến hoặc gửi mail cho công ty. Nhân viên bán hàng (phòng kinh doanh) sẽ liên hệ thủ kho kiểm tra số lượng hàng tồn trong kho đủ để cung cấp cho khách hàng, nếu không đủ thì báo lại bộ phận kinh doanh để liên hệ ngay cho nhà cung cấp đặt mua thêm hàng hóa.

Nhân viên phòng kinh doanh điện thoại và báo giá đến khách hàng. Nhân viên bán

hàng sẽ lập bảng báo giá gửi cho khách hàng, đợi phản hồi từ khách hàng, nếu khách hàng chấp nhận mua thì bộ phận bán hàng sẽ liên hệ với khách hàng ký kết hợp đồng mua bán, sau đó sẽ gửi cho Ban Giám đốc ký và xét duyệt.

Sau khi ký duyệt kế toán viên sẽ căn cứ vào hợp đồng để lập phiếu xuất kho. Sau khi có sự ký duyệt của giám đốc hoặc kế toán trưởng thì phiếu xuất kho sẽ gửi đến cho thủ kho và thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất hàng.

Kế toán viên sẽ lập hóa đơn GTGT trên phần mềm hóa đơn điện tử SINVOICE rồi gửi về giám đốc hoặc kế toán trưởng ký duyệt.

Sau khi đã được ký duyệt Hóa đơn GTGT kế toán bán hàng gửi qua email cho khách hàng, cùng với đó kế toán bán hàng lập biên bản giao nhận hàng hóa để gửi cho khách hàng kiểm tra hàng đã được giao.

Khi nhận được hàng khách hàng chấp nhận thanh toán: Kế toán viên sẽ lập Phiếu thu rồi gửi cho giám đốc hoặc kế toán trưởng ký duyệt sau đó khách hàng gửi tiền cho nhân viên bán hàng. Kế toán viên sẽ ghi sổ tiền mặt.

Đối với khách hàng chưa thanh toán: Kế toán sẽ ghi vào sổ công nợ và theo dõi, cho khách hàng một khoảng thời gian để thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu xuất kho kế toán ghi nhận doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.

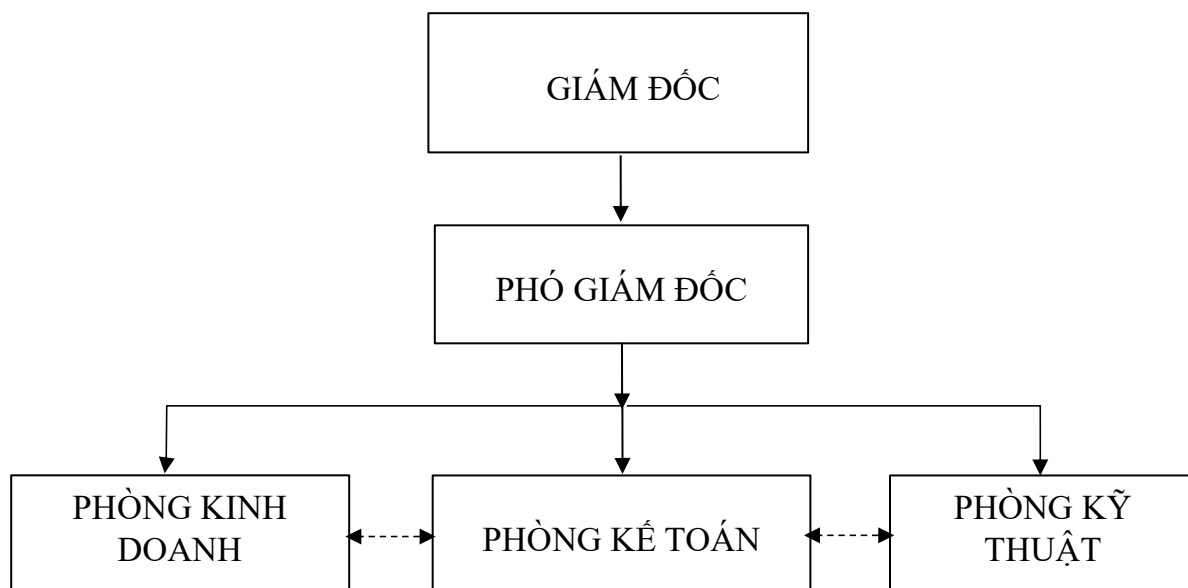
➤ **Đối với khách hàng nhỏ lẻ:**

Khách hàng sẽ trực tiếp đến cửa hàng để mua hàng với số lượng ít, mua với số lượng ít nên nhân viên bán hàng chỉ báo giá trực tiếp cho khách.

Do số lượng ít và giá trị đơn hàng thấp nên khách hàng sẽ tự vận chuyển hàng sau khi mua và thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, nhân viên bán hàng sẽ tiến hành thu tiền. Cuối ngày, nhân viên bán hàng sẽ lập phiếu thu chuyển cho kế toán để thu tiền. Kế toán thu tiền dựa trên phiếu thu và xác nhận thu đủ số tiền.

2.3 Đặc điểm tổ chức quản lý tại doanh nghiệp

2.3.1 Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân

Ghi chú: —→ Quan hệ trực tiếp

←-----> Quan hệ phối hợp

2.3.2 Chức năng từng bộ phận quản lý

❖ Phòng Giám đốc:

- + Là người quyết định và giám sát mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- + Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hàng năm của công ty
- + Quy định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các nhân viên
- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, tuyển dụng lao động.

❖ Phòng phó Giám đốc:

- + Giám sát, phê duyệt việc mua bán hàng hóa phục vụ quá trình kinh doanh. Là người theo dõi, tổ chức điều hành hoạt động bán hàng, thực hiện hoàn thành kế hoạch của Công ty giao, đề ra các chiến lược kinh doanh, đồng thời đảm bảo kế hoạch bán hàng để thu về lợi nhuận cao nhất. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi hoạt động SX-KD của Công ty.
- + Xây dựng và trình Giám đốc duyệt các thông số tài chính, kiểm tra bảng cân đối kế toán do phòng Kế toán lập ra, thẩm định các bản quyết toán lãi lỗ hàng tháng, quý, năm.

+ Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành trong toàn Công ty. Hàng năm xây dựng phương án tuyển dụng, đào tạo, quản lý nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu của SX.

❖ **Phòng kinh doanh:**

+ Xây dựng kế hoạch và theo dõi các chỉ tiêu kinh doanh của đơn vị, báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh định kỳ của công ty cho ban lãnh đạo
+ Kiểm tra và theo dõi các mặt hàng mua vào bán ra của đơn vị, mặt hàng nào bán chạy và mặt hàng nào cần hạn chế
+ Theo dõi nhân quá trình làm việc của nhân viên bộ phận bán hàng và bộ phận kỹ thuật.

❖ **Phòng kế toán:**

+ Thực hiện những công việc về nghề nghiệp chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán
+ Theo dõi, phản ánh sự vận động vốn KD của Công ty dưới mọi hình thái và có vấn cho ban lãnh đạo các vấn đề liên quan
+ Ghi chép, tính toán, phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, hàng hóa và chi phí của quá trình bán hàng.
+ Báo cáo kết quả hoạt động KD cho ban Giám đốc Công ty. Phổ biến chính sách chế độ quản lý tài chính của Nhà nước với các bộ phận liên quan khi cần thiết.
+ Tổng hợp hóa đơn, các chứng từ và định kỳ báo cáo lên ban lãnh đạo

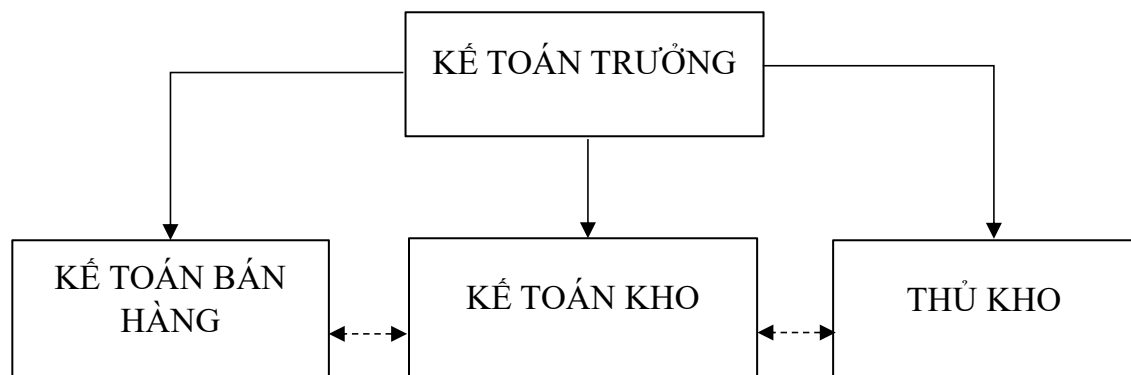
❖ **Phòng kỹ thuật:**

Đảm bảo máy móc thiết bị an toàn khi sử dụng không làm chậm tiến độ của hoạt động kinh doanh của công ty, thường xuyên kiểm tra giám sát vận hành của máy móc.

Tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành máy móc thiết bị của công ty kịp thời khi xảy ra sự cố hỏng, lỗi kỹ thuật...

2.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân

2.4.1 Sơ đồ bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân

Ghi chú: —————> Quan hệ trực tiếp
 <-----> Quan hệ phối hợp

2.4.2 Chức năng từng bộ phận

❖ Kế toán trưởng:

- + Giúp giám đốc công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, tài chính thông tin kinh tế trong toàn đơn vị theo quy chế quản lý mới và theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê, điều lệ tổ chức kế toán và điều lệ kế toán trưởng hiện hành.
- + Kiểm tra đối chiếu, cân đối số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp.
- + Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và đúng với báo cáo chi tiết hay không.
- + Hạch toán, lên sổ sách và lập báo cáo tài chính.
- + Kiểm việc trả lương cho nhân viên mỗi tháng

❖ Kế toán bán hàng:

- + Ghi chép, phản ánh kịp thời, chính xác và đầy đủ toàn bộ tình hình bán hàng của doanh nghiệp trong kỳ, cả về giá trị và số lượng hàng hóa, dịch vụ bán trên tổng số và trên từng loại mặt hàng, từng phương thức bán hàng.
- + Tính toán và phản ánh chính xác tổng giá trị thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra, gồm cả doanh thu bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ, thuế giá trị gia tăng đầu ra của từng nhóm mặt hàng hóa khác nhau.
- + Xác định chính xác giá mua thực tế của lượng hàng hóa đã được tiêu thụ, đồng thời phân bổ chi phí mua hàng cho hàng tiêu thụ nhằm xác định kết quả bán hàng.
- + Kiểm tra chặt chẽ tình hình thu hồi đồng thời quản lý tiền hàng, quản lý khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, lô hàng, số tiền khách hàng nợ, thời hạn và khả năng trả nợ,...
- + Tập hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản chi phí bán hàng thực tế đã phát sinh trong kỳ và phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tiêu thụ, làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh.
- + Cung cấp thông tin cần thiết về tình hình bán hàng hóa dịch vụ phục vụ cho việc chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Tham mưu cho các lãnh đạo, cấp trên về các giải pháp để thúc đẩy quá trình bán hàng.

❖ Kế toán kho:

- + Lập phiếu nhập kho xuất kho hàng hoá, kiểm tra tính chính xác của chứng từ liên quan, hoá đơn khi nhập xuất kho. Hạch toán các nghiệp vụ theo đúng quy định và xử lý các trường hợp sai sót một cách kịp thời.
- + Cùng với thủ kho kiểm kê, đối chiếu số lượng hàng hoá trong kho có khớp đúng với chứng từ, sổ sách liên quan

❖ Thủ kho:

- + Kiểm tra, thực hiện các yêu cầu xuất, nhập kho hàng hoá theo đúng quy định đảm bảo đúng hàng, đúng số lượng tránh sai sót.
- + Theo dõi số lượng, chất lượng hàng trong kho đảm bảo định mức tồn tối thiểu, kiểm tra hàng tồn kho thương xuyên phát hiện hàng bị hỏng, bị lỗi kịp thời xử lý.

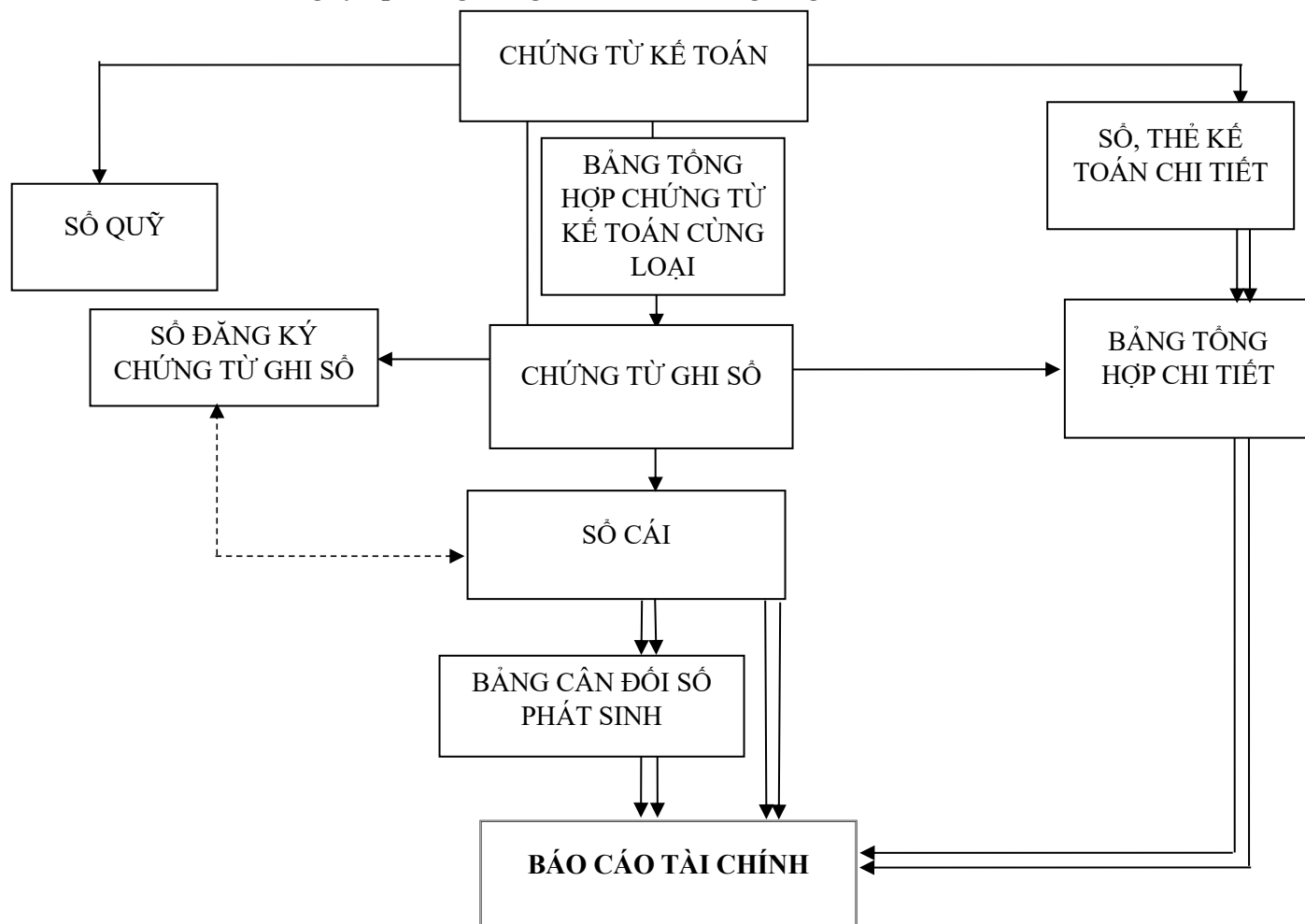
- + Sắp xếp hàng hoá khoa học, dễ bảo quản, an toàn có sơ đồ dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra hàng, xuất, nhập hàng. Lập thẻ kho.
- + Lập báo cáo tồn kho, nhập, xuất kho theo quy định.

2.4.3 Chế độ và chính sách kế toán được công ty áp dụng

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ 01/01, kết thúc tại ngày 31/12 cùng năm
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: thông tư 200/2014/TT-BTC
- Phương pháp kế toán Hàng Tồn Kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận HTK: Kê khai thường xuyên
 - Phương pháp tính giá trị HTK cuối kỳ: Bình quân gia quyền
 - Phương pháp hạch toán HTK: Kê khai thường xuyên
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
 - Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

2.4.4 Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

- Công ty áp dụng dụng hình thức chứng từ ghi sổ.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ

<u>Ghi chú:</u> :	————→	: Ghi hàng ngày
	====→	: Ghi cuối tháng
	←----→	: Đối chiếu, kiểm tra

❖ Quy trình ghi sổ:

- Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.
- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.
- Đối chiếu số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các Tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.5 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân

2.5.1 Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân hoạt động trong lĩnh vực buôn bán các máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, các dịch vụ thay thế sửa chữa... nên doanh thu chính của công ty là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán hàng gồm: Máy hàn RILAND; Máy hàn Hồng Ký; Máy cắt PLASMA,...
- Doanh thu cung cấp dịch vụ gồm: Doanh thu từ vật liệu cơ khí, doanh thu từ sửa chữa, gia công cơ khí,...

2.5.2 Chứng từ sử dụng:

- ✚ Bảng báo giá
- ✚ Hợp đồng kinh tế (nếu có)
- ✚ Hóa đơn giá trị gia tăng
 - + Chuyển đổi sang hóa đơn điện tử bắt đầu từ ngày 01/06/2022
- ✚ Biên bản giao nhận hàng hóa
- ✚ Phiếu thu, giấy báo có

2.5.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản chi tiết TK 5111 – Doanh thu bán hàng
- Tài khoản chi tiết TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.5.4 Sổ sách sử dụng

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 511 – Doanh thu và cung cấp dịch vụ (dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)
- Sổ chi tiết các tài khoản TK 5111: Doanh thu bán hàng

2.5.5 Quy trình ghi sổ

Doanh nghiệp xuất hóa đơn cho tất cả nghiệp vụ bán hàng.

Nghiệp vụ 1: Ngày 20/08/2022 bán hàng cho Công ty TNHH Bê tông Phan Vũ Quảng Bình:

- Máy hàn que MMA inverter 300 Ampe 380 V- MMA 300 PRO, số lượng 01 cái, đơn giá 14.814.800 đồng/cái.

Thuế GTGT 8%, khách hàng chưa thanh toán.

Thông tin thể hiện các chứng từ như sau:

Nhân viên kinh doanh gửi bảng báo giá qua khách hàng, đợi chờ phản hồi của khách hàng.

Biểu 1: Bảng báo giá

THE NHAN

☎ Điện thoại: 0983 386 772
📠 MST: 3100492456
✉ Email: nguyenthannhan0612@gmail.com
📍 Địa chỉ: 155 Lý Thánh Tông – Xã Lộc Ninh – TP. Đồng Hới – Tỉnh Quảng Bình.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THE NHAN

BẢO GIÁ

(SỐ .../THENHAN-KB)

Kính gửi: Công Ty TNHH Bê tông Phan Vũ Quảng Bình

Người nhận: Anh Hiếu

Địa chỉ: Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La – Xã Quảng Đông – Huyện Quảng Trạch – Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại:

Email:

Công ty TNHH TM&DV THE NHAN xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã quan tâm tới sản phẩm và dịch vụ của công ty chúng tôi. Thay mặt Công ty, tôi xin gửi tới Quý công ty báo chào giá chi tiết các thiết bị như sau:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn Giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy hàn que MMA inverter 300 Ampe 380 V- MMA 300 PRO	01	14.814.800đ	14.814.800đ
TỔNG CỘNG				14.814.800đ

Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT 8%.

Xin chân thành cảm ơn và mong nhận được sự phản hồi cũng như hợp tác của Quý Khách!

Quảng Bình, ngày 20 tháng 08 năm 2022

Hình ảnh 2.1: Bảng báo giá ngày 20/8

Khi khách hàng đồng ý đặt hàng: Nhân viên bán hàng sẽ gửi đơn hàng bán cho thủ kho. Khi kế toán nhận được đơn hàng tiến hành lập phiếu xuất kho rồi đưa lên cho kế toán trưởng kí. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho sẽ xuất hàng, kế toán lập hóa đơn giá trị gia tăng trên phần mềm hóa đơn điện tử SInvoice và Biên bản giao nhận hàng hóa gửi cho cấp trên ký duyệt, sau đó gửi cho khách hàng xác nhận nhập hàng đúng số lượng và chất lượng.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)			Ký hiệu (Serial): IC22TTN Số (No.): 17		
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)					
Ngày (date) 20 tháng (month) 08 năm (year) 2022					
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH TM - DV THẾ NHẬN					
Mã số thuế (Tax code): 3100492456					
Địa chỉ (Address): Số 155 Lý Thánh Tông, Xã Lạc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam					
Điện thoại (Tel): 0983386772					
Số tài khoản (Account No.):			Ngân hàng (Bank):		
Họ tên người mua hàng (Buyer name): ANH HIẾU					
Tên đơn vị: (Company name): CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH					
Mã số thuế (Tax code): 3100943483					
Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La, Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình					
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Máy hàn que MMA inverter 300 Ampe 380 V- MMA 300 PRO	Cái	1	14.814.800	14.814.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					14.814.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.185.184
Tổng tiền thanh toán (Total payment):					15.999.984
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười lăm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng					
Cơ quan thuế (Tax department) (Chữ ký số (Digital signature)) Signature valid Ký bởi TỔNG CỤC THUẾ Ký ngày 20/08/2022		Người mua hàng (Buyer) (Chữ ký số (Digital signature))		Người bán hàng (Seller) (Chữ ký số (Digital signature)) Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH TM-DV THẾ NHẬN Ký ngày 20/08/2022	
Mã cơ quan thuế cấp: 00463A5349A13241C8934C43393E61F634					
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://sinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: 8AHR3RUIQ4QC57K					

Hình ảnh 2.2: Hóa đơn GTGT số 17 ngày 20/8

- Kế toán bán hàng dựa theo hóa đơn GTGT số 17, để hạch toán doanh thu bán hàng lên phần mềm Excel.

Biểu 2: Chứng từ ghi sổ TK 511

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ
NĂM 2022

Số chứng từ	Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
A	B	C	D	1	E
...	...	...	...	...	...
BH00006	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000006	131	5111	8.995.500	
BH00007	Bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN BÌNH PHÁT theo hóa đơn số 0000007	131	5111	1.851.852	
...	...	...	...	...	...
BH00017	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000017	131	5111	14.814.800	
BH00018	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000018	1111	5111	5.648.150	
BH00019	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000019	1111	5111	714.540	
BH00020	Bán hàng CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN theo hóa đơn số 0000020	131	5111	454.600	
BH00021	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000021	1111	5111	2.450.000	
BH00022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000022	131	5111	9.068.400	
...	...	...	...	...	...
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	5111	640.640.728	
	CỘNG			640.640.728	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022.
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3: Sổ cái TK 511

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THỂ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số: S02c1-DN
*(Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2016
 của Bộ Tài chính)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm 2022

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
06/07/2022	BH00006	06/07/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000006	131		8.995.500
06/07/2022	BH00007	06/07/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN BÌNH PHÁT theo hóa đơn số 0000007	131		1.851.852
14/07/2022	BH00008	14/07/2022	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TỔNG HỢP QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000008	131		7.407.407
19/07/2022	BH00009	19/07/2022	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM SỨ VÀ XÂY DỰNG COSEVCO theo hóa đơn số 0000009	131		590.909
01/08/2022	PT00001	01/08/2022	Thu tiền bán hàng NGUYỄN HẢI NGỌ theo hóa đơn số 0000010	1111		1.500.000
01/08/2022	PT00002	01/08/2022	Thu tiền bán hàng NGUYỄN HẢI NGỌ theo hóa đơn số 0000011	1111		1.500.000
03/08/2022	PT00003	03/08/2022	Thu tiền bán hàng BÁO QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000012	1111		2.916.667
15/08/2022	BH00013	15/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000013	131		8.463.636
15/08/2022	PT00005	15/08/2022	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TVXD XUÂN QUANG theo hóa đơn số 0000014	1111		18.500.000

15/08/2022	BH00015	15/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000015	131		8.463.840
17/08/2022	BH00016	17/08/2022	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TVXD XUÂN QUANG theo hóa đơn số 0000016	1111		18.000.000
20/08/2022	BH00017	20/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000017	131		14.814.800
23/08/2022	BH00018	23/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000018	1111		5.648.150
25/08/2022	BH00019	25/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000019	1111		714.540
22/09/2022	BH00020	22/09/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN theo hóa đơn số 0000020	131		454.600
22/09/2022	BH00021	22/09/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000021	131		9.068.400
23/09/2022	BH00022	23/09/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000022	131		2.450.000
23/09/2022	BH00023	23/09/2022	Bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000023	1111		12.777.800
30/9/2022	BH00024	30/9/2022	Bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000024	131		627.270
30/9/2022	BH00025	30/9/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000025	131		2.454.530
30/9/2022	BH00026	30/9/2022	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTTM ÁNH DƯƠNG theo hóa đơn số 0000026	131		4.259.300
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	640.640.728	
			-Cộng số phát sinh		640.640.728	640.640.728
			-Số dư cuối kỳ			
			- Cộng lũy kế từ đầu năm		640.640.728	640.640.728

- Số này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 4: Sổ chi tiết TK 511**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN**Địa chỉ:** 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH**Mẫu số S35-DN***(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài
chính)***SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****Năm 2022**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
06/07/2022	BH00006	06/07/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SON HẢI theo hóa đơn số 0000006	131		8.995.500
06/07/2022	BH00007	06/07/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN BÌNH PHÁT theo hóa đơn số 0000007	131		1.851.852
...	...	...	...	...		...
20/8/2022	BH00017	20/8/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000017	131		14.814.800
23/08/2022	BH00018	23/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SON HẢI theo hóa đơn số 0000018	1111		5.648.150
25/08/2022	BH00019	25/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SON HẢI theo hóa đơn số 0000019	1112		714.540
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	640.640.728	
			Cộng phát sinh		640.640.728	640.640.728
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nghiệp vụ 2: Ngày 23/09/2022 bán hàng cho Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Quảng Bình máy hàn MIG Inverter 200 Ampe 220V- MIG 200 PRO, số lượng 01 cái, đơn giá 12.777.800 đồng/cái.

Thuế GTGT 8%, khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Thông tin thể hiện các chứng từ như sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display) Ngày (date) 23 tháng (month) 09 năm (year) 2022			Ký hiệu (Serial): 1C22TTN Số (No.): 23		
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH TM - DV THỂ NHÂN					
Mã số thuế (Tax code): 3100492456					
Địa chỉ (Address): Số 155 Lý Thánh Tông, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam					
Điện thoại (Tel): 0983386772					
Số tài khoản (Account No.):			Ngân hàng (Bank):		
Họ tên người mua hàng (Buyer name):					
Tên đơn vị: (Company name): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH					
Mã số thuế (Tax code): 3100997182					
Địa chỉ (Address): Đường Hữu Nghị, Tổ DP 14, Phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình					
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Máy Hàn MIG Inverter 200 Ampe 220V- MIG 200 PRO	Cái	1	12.777.800	12.777.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					12.777.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.022.224
Tổng tiền thanh toán (Total payment):					13.800.024
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười ba triệu tám trăm nghìn không trăm hai mươi bốn đồng					
Cơ quan thuế (Tax department) (Chữ ký số (Digital signature)) Signature valid Ký bởi TỔNG CỤC THUẾ Ký ngày 23/09/2022		Người mua hàng (Buyer) (Chữ ký số (Digital signature))		Người bán hàng (Seller) (Chữ ký số (Digital signature)) Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH TM-DV THỂ NHÂN Ký ngày 23/09/2022	
Mã cơ quan thuế cấp: 006217883DC8A940DDAC56A105698CF374					
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: TWIZDX1SM7JITSB					

Hình ảnh 2.3: Hóa đơn GTGT số 23 ngày 23/9

- Kế toán bán hàng dựa theo hóa đơn GTGT số 17, để hạch toán doanh thu bán hàng lên phần mềm Excel.

Biểu 1: Phiếu thu

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN

Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của
Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 23 tháng 9 năm 2022

Quyển số:.....

Số:.....

Nợ TK 111

Có TK 511 + 3331

Họ và tên người nộp tiền:

Địa chỉ: Công ty TNHH Một Thành Viên Trường Hải Quảng Bình

Lý do nộp: Bán hàng & CCDV

Số tiền: 13.800.024 (Viết bằng chữ): Mười ba triệu tám trăm nghìn không trăm hai mươi bốn đồng.

Kèm theo: 01

Chứng từ gốc: HĐ 23

Ngày 23 tháng 9 năm 2022

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu 2: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THỂ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2022

Số chứng từ	Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
A	B	C	D	I	E
...	...	...	...	...	...
BH00006	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HAI theo hóa đơn số 0000006	131	5111	8.995.500	
BH00007	Bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN BÌNH PHÁT theo hóa đơn số 0000007	131	5111	1.851.852	
...	...	...	...	...	...
BH00022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000022	131	5111	9.068.400	
BH00023	Bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000023	1111	5111	12.777.800	
BH00024	Bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000024	131	5111	627.270	
BH00025	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HAI theo hóa đơn số 0000025	131	5111	2.454.530	
BH00026	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTTM ÁNH DƯƠNG theo hóa đơn số 0000026	131	5111	4.259.300	
...	...	...	...	...	...
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	5111	640.640.728	
	CỘNG			640.640.728	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022.
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3: Sổ cái TK 511

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THỂ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số: S02c1-DN

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm 2022

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
06/07/2022	BH00006	06/07/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000006	131		8.995.500
06/07/2022	BH00007	06/07/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN BÌNH PHÁT theo hóa đơn số 0000007	131		1.851.852
14/07/2022	BH00008	14/07/2022	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TỔNG HỢP QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000008	131		7.407.407
19/07/2022	BH00009	19/07/2022	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM SÚI VÀ XÂY DỰNG COSEVCO theo hóa đơn số 0000009	131		590.909
01/08/2022	PT00001	01/08/2022	Thu tiền bán hàng NGUYỄN HẢI NGỌ theo hóa đơn số 0000010	1111		1.500.000
01/08/2022	PT00002	01/08/2022	Thu tiền bán hàng NGUYỄN HẢI NGỌ theo hóa đơn số 0000011	1111		1.500.000
03/08/2022	PT00003	03/08/2022	Thu tiền bán hàng BÁO QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000012	1111		2.916.667
15/08/2022	BH00013	15/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000013	131		8.463.636
15/08/2022	PT00005	15/08/2022	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TVXD XUÂN QUANG theo hóa đơn số 0000014	1111		18.500.000

15/08/2022	BH00015	15/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000015	131		8.463.840
17/08/2022	BH00016	17/08/2022	Thu tiền bán hàng CÔNG TY TNHH TVXD XUÂN QUANG theo hóa đơn số 0000016	1111		18.000.000
20/08/2022	BH00017	20/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000017	131		14.814.800
23/08/2022	BH00018	23/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000018	1111		5.648.150
25/08/2022	BH00019	25/08/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000019	1111		714.540
22/09/2022	BH00020	22/09/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN theo hóa đơn số 0000020	131		454.600
22/09/2022	BH00021	22/09/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000021	131		9.068.400
23/09/2022	BH00022	23/09/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000022	131		2.450.000
23/09/2022	BH00023	23/09/2022	Bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000023	1111		12.777.800
30/9/2022	BH00024	30/9/2022	Bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000024	131		627.270
30/9/2022	BH00025	30/9/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000025	131		2.454.530
30/9/2022	BH00026	30/9/2022	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTTM ÁNH DƯƠNG theo hóa đơn số 0000026	131		4.259.300
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	640.640.728	
			-Cộng số phát sinh		640.640.728	640.640.728
			-Số dư cuối kỳ			
			- Cộng lũy kế từ đầu năm		640.640.728	640.640.728

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 4: Sổ chi tiết TK 511**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THỂ NHÂN**Địa chỉ:** 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH**Mẫu số S35-DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTCNgày 22/12/2014 của Bộ Tài
chính)**SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ****Năm 2022**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
06/07/2022	BH00006	06/07/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000006	131		8.995.500
06/07/2022	BH00007	06/07/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN BÌNH PHÁT theo hóa đơn số 0000007	131		1.851.852
...	...	...	...	...		...
23/09/2022	BH00023	23/09/2022	Bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000023	1111		12.777.800
30/09/2022	BH00024	30/09/2022	Bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000024	131		627.270
30/09/2022	BH00025	30/09/2022	Bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000025	131		2.454.530
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	640.640.728	
			Cộng phát sinh		640.640.728	640.640.728
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.6 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong năm 2022, Công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu nào.

2.7 Kế toán giá vốn hàng bán

2.7.1 Nội dung

Với đặc điểm có nhiều mặt hàng, số lượng hàng hóa công ty lớn do đó công ty đã áp dụng theo phương pháp tính giá xuất kho là “Bình quân cuối kỳ theo tháng” nên rất thuận lợi trong việc quản lý và hạch toán.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ:

Giá vốn hàng hóa được tính bằng giá trị và số lượng của loại hàng hóa tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ. Công thức:

Đơn giá xuất kho	=	Giá trị tồn kho đầu kỳ	+	Giá trị hàng tồn nhập trong kỳ
		Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ	+	Số lượng hàng tồn kho nhập trong kỳ

2.7.2 Chứng từ sử dụng:

📄 Phiếu xuất kho

2.7.3 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632: “Giá vốn hàng bán”.

2.7.4 Sổ sách sử dụng

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 632: Giá vốn hàng bán (Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)
- Sổ chi tiết TK 632: “Giá vốn hàng bán”

2.7.5 Quy trình ghi sổ:

- Trích dẫn nghiệp vụ minh họa:

Nghiệp vụ: Ngày 1/9/2022 số lượng dây hàn MAG 70S6 D0.8 15kg/cuộn RL 250 tồn 990 cái tổng trị giá 33.673.253 (34.013 đồng/cái). Ngày 30/9/2022 dựa vào bảng tổng hợp chi tiết nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa MAG 70S6 D0.8, trong tháng không nhập thêm cái nào, xuất bán tổng cộng trong tháng 15 cái. Đơn giá xuất kho được xác định như sau:

Tổng trị giá xuất kho mặt hàng dây hàn MAG 70S6 D0.8 trong tháng 09/2022 là:

$$\text{Trị giá xuất kho} = 34.013 \times 15 = 510.195 \text{ đồng.}$$

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN

Nhập đến

Mẫu số S11-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC)
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài
chính

MST: 3100492456

Xuất đến

Địa chỉ: 155 Lý Thánh Tông – Xã Lộc Ninh – TP.Đồng Hới – Tỉnh Quảng Bình

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản 156

Tháng 9 năm 2022

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Giá vốn đơn vị	Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	CUT 160I	Máy	2	45.783.636	-	-	22.891.818	-	-	2	45.783.636
2	Que hàn sắt KT421 D2.5 20kg/thùng	Kg	40	1.160.000	20	574.545	28.909	-	-	60	1.734.545
3	Máy hàn MMA – 200HQ	Máy	3	8.424.000	-	-	2.808.000	-	-	3	8.424.000
4	Que hàn sắt KT421 D3.2 20kg/thùng	Kg	20	554.545	-	-	27.727	10	227.270	10	328.275
5	Que hàn sắt KT421 D4.0 20kg/thùng	Kg	20	554.545	-	-	27.727	-	-	20	554.545
6	Máy hàn ARC – 200N	Máy	7	7.716.546	-	-	1.102.364	-	-	7	7.716.546
7	Dây hàn MAG 70S6 D1.015kg/cuộn RL 250	Kg	1.255	40.429.118	-	-	32.214	100	3.221.400	1.155	37.207.718
8	Máy hàn que MMA inverter 250 Ampe 220 – MMA 250 PRO	Cái	2	9.987.500	3	15.300.000	5.507.500	-	-	5	25.287.500
9	Máy hàn MIG Inverter 200 Ampe 220V- MIG 200 PRO	Cái	-	-	2	19.063.890	9.531.945	1	9.531.945	1	9.531.945
10	Máy hàn MMA-200HQ	Cái	3	7.658.181	-	-	2.552.727	-	-	3	7.658.181
11	Biến thế hàn 400A (Dây nhôm 380V)	Máy	-	-	2	16.166.667	8.083.334	-	-	2	16.166.667
12	Dây hàn VQ – 70S 0.8mm	Kg	5	125.375	-	-	25.075	-	-	5	125.375
13	Máy hàn điện 300N	Cái	1	5.325.300	-	-	5.325.300	1	5.325.300	-	-
14	Dây hàn VQ – 70S 1.0mm	Kg	180	4.233.045	-	-	23.517	-	-	180	4.233.045
15	Máy hàn hồ quang RILAND: ARC 250SII, 220380V/130-170AA, phụ tùng đồng hồ kèm theo	Bộ	1	2.840.909	-	-	2.840.909	-	-	1	2.840.909
16	Máy hàn hồ quang RILAND, MIG 135E, 220V/100A	Bộ	4	9.327.273	-	-	2.331.818	1	2.331.818	3	2.331.818
17	Máy hàn hồ quang RILAND, TIG 315PAC/DC, 380V/300A	Bộ	1	15.530.304	-	-	15.530.304	1	15.530.304	-	-
18	Dây hàn MAG 70S6 D0.8 15kg/cuộn RL 250	Kg	990	33.673.253	-	-	34.013	15	510.195	975	33.163.058
19	Dây hàn MAG 70S6 D1.0 15kg/cuộn RL 250	Kg	660	20.675.740	600	20.727.273	32.860	-	-	1.260	41.403.013

Hình ảnh 2.4: Bảng tổng hợp chi tiết nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa

Nghiệp vụ 2: Ngày 23/9/2022, công ty nhận được email yêu cầu mua hàng từ Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Quảng Bình bao gồm: Máy hàn MIG Inverter 200 Ampe 220V- MIG 200 PRO, số lượng 01 cái, đơn giá 9.531.945 đồng/cái.
Thuế GTGT 8%, khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu 1: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH TM – DV THỂ NHÂN
Địa chỉ: 155 Lý Thánh Tông, xã Lộc Ninh, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 23/09/2022
Số: 23

Nợ: TK 632
Có: TK 1561

Tên người nhận hàng:
Theo HĐ số: 23
Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Quảng Bình
Lý do xuất: Xuất kho bán hàng
Xuất tại kho (ngăn lô): Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy hàn MIG Inverter 200 Ampe 220V- MIG 200 PRO		Cái		1	9.531.945	9.531.945
	Cộng						9.531.945

Cộng tiền hàng: 9.531.945
Số tiền bằng chữ: Chín triệu năm trăm ba một nghìn chín trăm bốn lăm đồng.
Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 23 tháng 09 năm 2022

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Giám đốc**
(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên, đóng dấu)

- Kế toán bán hàng dựa theo hóa đơn HĐ GTGT, P XK số 23, để hạch toán giá vốn hàng bán lên phần mềm Excel.

Biểu 2: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài
chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**Năm 2022**

Số chứng từ	Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
A	B	C	D	1	E
...	...	...	...	...	...
PXK00006	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000006	632	1561	6.269.175	
PXK00007	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN BÌNH PHÁT theo hóa đơn số 0000007	632	1561	1.366.566	
...	...	...	...	...	...
PXK00023	Xuất kho bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000023	632	1561	9.531.945	
PXK00024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000024	632	1561	510.195	
PXK00025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000025	632	1561	2.100.215	
PXK00026	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTTM ÁNH DƯƠNG theo hóa đơn số 0000026	632	1561	4.250.000	
...	...	...	...	...	...
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	632	504.399.896	
	CỘNG			504.399.896	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3: Sổ cái TK 632

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THỂ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số: S02c1-DN

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm 2022

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
06/07/2022	PXK00006	06/07/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000006	1561	6.269.175	
06/07/2022	PXK00007	06/07/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN BÌNH PHÁT theo hóa đơn số 0000007	1561	1.366.566	
14/07/2022	PXK00008	14/07/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TỔNG HỢP QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000008	1561	7.407.407	
19/07/2022	PXK00009	19/07/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM SỬ VÀ XÂY DỰNG COSEVCO theo hóa đơn số 0000009	1561	510.195	
15/08/2022	PXK00013	15/08/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000013	1561	6.900.600	
15/08/2022	PXK00015	15/08/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000015	1561	6.900.600	
20/08/2022	PXK00017	20/08/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000017	1561	10.242.500	
23/08/2022	PXK00018	23/08/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000018	1561	3.816.636	

25/08/2022	PXK00019	25/08/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000019	1561	465.098	
22/09/2022	PXK00020	22/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VƯƠNG THUẬN theo hóa đơn số 0000020	1561	454.600	
22/09/2022	PXK00021	22/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000021	1561	2.450.000	
23/09/2022	PXK00022	23/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG PHAN VŨ QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000022	1561	7.393.500	
23/09/2022	PXK00023	23/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000023	1561	9.531.945	
30/09/2022	PXK00024	30/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000024	1561	510.195	
30/09/2022	PXK00025	30/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000025	1561	2.100.215	
30/09/2022	PXK00026	30/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTTM ÁNH DƯƠNG theo hóa đơn số 0000026	1561	4.250.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911		504.399.896
			-Cộng số phát sinh		504.399.896	504.399.896
			-Số dư cuối kỳ			
			- Cộng lũy kế từ đầu năm		504.399.896	504.399.896

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 02

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 4: Sổ chi tiết TK 632

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÊ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN
Năm 2022

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
06/07/2022	PXK00006	06/07/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000006	1561		6.269.175
06/07/2022	PXK00007	06/07/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI AN BÌNH PHÁT theo hóa đơn số 0000007	1561		1.366.566
...	...	...	...	...		...
23/09/2022	PXK00023	23/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG HẢI QUẢNG BÌNH theo hóa đơn số 0000023	1561		9.531.945
30/09/2022	PXK00024	30/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000025	1561		510.195
30/09/2022	PXK00025	30/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN SƠN HẢI theo hóa đơn số 0000025	1561		2.100.215
30/09/2022	PXK00026	30/09/2022	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTTM ÁNH DƯƠNG theo hóa đơn số 0000026	1561		4.250.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	504.399.896	
			Cộng phát sinh		504.399.896	504.399.896
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.8 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.8.1 Nội dung

Doanh thu tài chính của công ty chủ yếu từ tiền lãi gửi ngân hàng

2.8.2 Chứng từ sử dụng

✚ Giấy báo có

2.8.3 Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

2.8.4 Sổ sách sử dụng

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 515
- Sổ chi tiết TK 515

2.8.5 Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ: Ngày 30/9/2022, công ty nhận được giấy báo có về tiền lãi từ Ngân hàng với số tiền là 1,011 đồng.

anh toán tại quầy Sacombank - Payment Service https://epayment.sacombank.com/payment/sma_printCreditAction.stb

Sacombank GIẤY BÁO CÓ
CREDIT ADVISE

Số chứng từ/Ref No : 040002909997-20220930
User in/User ID : thuytt
Ngày/Date : 28/10/2022 09:32:56

Ngày hiệu lực/Value Date: 30/09/2022

Tên Cá nhân/Đơn vị chuyển (Sender's name):
Địa chỉ (Address):
Mã số thuế (Tax Code):
Số tài khoản (Account number):
Tại Ngân hàng (At Bank):

Tên Cá nhân/Đơn vị nhận (Beneficiary's name): CONG TY TNHH TM DVU THE NHAN
Địa chỉ (Address): SO 155- LY THANH TONG- LOC NINH DONG HOI TINH QUANG BINH
Tài khoản ghi Có (Credit Account): 040002909997
Tại Sacombank CN/PGD (At Sacombank Branch): PGD DONG HOI
Mã số thuế Chi nhánh (Branch Tax Code): 0301103908-049

Chi tiết giao dịch (Transaction details):
Số tiền ghi Có (Credit Amount): 1,011 VND
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một ngàn không trăm mười một đồng
Diễn giải (Remarks): CHI LAI TK TIEN GUI 040002909997

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (FOR SACOMBANK'S SECTION):

Kế toán
Accountant

Kiểm soát viên
Authoriser

Trưởng đơn vị
Manager

Hình ảnh 2.5: Giấy báo có của ngân hàng Sacombank

- Kế toán bán hàng dựa theo các chứng từ gốc để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính lên phần mềm Excel.

Biểu 1: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN

Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2022

Số chứng từ	Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
A	B	C	D	1	E
NTTK00001	Thu lãi tiền gửi	1121	515	487	
NTTK00002	Thu lãi tiền gửi	1121	515	459	
NTTK00003	Thu lãi tiền gửi	1121	515	1.011	
NTTK00004	Thu lãi tiền gửi	1121	515	281	
NTTK00005	Thu lãi tiền gửi	1121	515	2.269	
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	515	911	4.507	
	CỘNG			4.507	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2: Sổ cái TK 515**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN**Địa chỉ:** 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH**Mẫu số:** S02c1-DN(Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2016 của Bộ Tài
chính)**SỔ CÁI****(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)****Năm 2022****Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính****Số hiệu: 515***Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/3/2022	NTTK00001	31/3/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		487
30/6/2022	NTTK00002	30/6/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		459
30/9/2022	NTTK00003	30/9/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		1.011
30/11/2022	NTTK00004	30/11/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		281
31/12/2022	NTTK00005	31/12/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		2.269
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ	911	4.507	
			Cộng số phát sinh		4.507	4.507
			Số dư cuối kỳ			
			Cộng tích lũy kể từ đầu năm		4.507	4.507

- Sổ này có 01 trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3: Sổ chi tiết Tk 515**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THỂ NHÂN**Địa chỉ:** 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH**Mẫu số S35-DN**(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTCNgày 22/12/2014 của Bộ Tài
chính)**SỔ CHI TIẾT DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH***Năm 2022*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			<u>Đầu kỳ</u>			
31/3/2022	NTTK00001	31/3/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		487
30/6/2022	NTTK00002	30/6/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		459
30/9/2022	NTTK00003	30/9/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		1.011
30/11/2022	NTTK00004	30/11/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		281
31/12/2022	NTTK00005	31/12/2022	Thu lãi tiền gửi	1121		2.269
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	4.507	
			Cộng phát sinh		4.507	4.507
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.9 Kế toán chi phí tài chính

Trong năm 2022, công ty không phát sinh các khoản chi phí tài chính.

2.10 Kế toán chi phí bán hàng

Trong năm 2022, công ty không phát sinh các khoản chi phí bán hàng.

2.11 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

2.11.1 Nội dung

Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp TK 642 của công ty bao gồm các khoản chi phí tính tiền lương nhân viên, phân bổ chi phí CCDC...

2.11.2 Chứng từ sử dụng

- ✚ Ủy nhiệm chi
- ✚ Bảng thanh toán tiền lương
- ✚ Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

2.11.3 Tài khoản sử dụng

- TK 642: “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

2.11.4 Sổ sách sử dụng

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 642
- Sổ chi tiết TK 642

2.11.5 Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ 1: Ngày 01/01/2022 công ty TNHH TM&DV Thế Nhân hạch toán chi phí lệ phí môn bài năm 2022. Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân với mức vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng nên số tiền lệ phí môn bài phải nộp là 2.000.000 đồng.

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 84/2016/TT-BTC
 của Bộ Tài chính)
 Mã hiệu:
 Số: OV2201267600770

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
 Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220220119399296

 Mã số thuế: 3100492456

 Tỉnh, TP: Quảng Bình

 Tỉnh, TP:
 trích TK số: 040002909997

 Tỉnh, TP: Tỉnh Quảng Bình

 Cơ quan có thẩm quyền khác: ☐

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM - DV THẾ NHÂN
 Địa chỉ: 155 Lý Thánh Tông, Thôn 7, Xã Lộc Ninh
 Quận/Huyện: Thành Phố Đồng Hới
 Người nộp thay:
 Địa chỉ:
 Quận/Huyện:
 Đề nghị NHV KBNN: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
 hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
 TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
 Vào tài Khoản KBNN: VP KBNN Quảng Bình
 Mở tại NH ủy nhiệm thu: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình
 Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
 Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐
 Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐
 Cơ quan quản lý thu: Thành phố Đồng Hới - Chi cục Thuế khu vực Đồng Hới - Quảng Ninh

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/CN/2022	Lệ phí môn bài mức (bậc) 2. Ghi chú: Môn Bài 2022.		2,000,000	755	2853
Tổng tiền					2,000,000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRIỆU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

4/1/24, 4:30 PM
Tra cứu giấy nộp tiền_Nộp thuế_KH Doanh nghiệp_Thuế điện tử

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN
 Ngày.....Tháng.....Năm.....
 Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)
 Ngày.....Tháng.....Năm.....
 Kế toán Kế toán trưởng

✓	Người ký : CÔNG TY TNHH TM-DV THẾ NHÂN Ngày ký : 26/01/2022 11:57:57
---	---

✓	Người ký : Tổng cục Thuế Ngày ký : 26/01/2022 11:59:07
---	---

✓	Người ký : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN Ngày ký : 26/01/2022 12:00:57
---	---

Hình ảnh 2.6: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

Nghiệp vụ 2: Ngày 29/08/2022 Công ty TNHH Thế Nhân đã chi tiền phí quản lý tài khoản hằng tháng của ngân hàng Sacombank với giá là 66.000 đồng. Công ty thanh toán bằng chuyển khoản.

Sacombank PHÒNG KẾ TOÁN - NGÂN HÀNG TM & DV SÀI GÒN
PGD ĐÔNG HOI
Mã số thuế/Account no: 0301103908-049

GIẤY BẢO NỢ DEBIT ADVICE
Ngày/Date 29/08/2022

Số chứng từ/Ref No : FEE.C220825040002909997
User in/User ID : thuyttt
Ngày/Date: 28/10/2022 09:34:15

Đơn vị chuyển/Sender:	CONG TY TNHH TM DVU THE NHAN
Địa chỉ/Address:	SO 155- LY THANH TONG- LOC NINH DONG HOI TINH QUANG BINH
Số tài khoản/Account no:	040002909997
Ngân hàng:	SACOMBANK
Số tiền/Amount:	66,000 VND
	Sau muoi sau ngan dong
Nội dung/Description:	PHI T08/2022-040002909997-ALERT,QLTK

CONG TY TNHH TM DVU THE NHAN		SACOMBANK - PGD DONG HOI		
Ghi số ngày/Date:		Ghi số ngày/Date:		
Kế toán Accountant	Chủ tài khoản Account holder	Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Authoriser	Trưởng đơn vị Manager

Hình ảnh 2.7: Giấy báo nợ thu phí tự động của ngân hàng Sacombank

Nghiệp vụ 3: Ngày 31/05/2022 công ty TNHH TM&DV Thế Nhân trả tiền lương cho cán bộ công nhân viên theo bảng thanh toán lương số tiền là 28.500.000 đồng.

CÔNG TY TNHH TM&DV THẾ NHÂN									
ĐỊA CHỈ: 155 LÝ THÁNH TÔNG - TP.ĐÔNG HỚI - TỈNH QUẢNG BÌNH									
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG									
Tháng 05/2022									
Đơn vị tính: VNĐ									
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG CƠ BẢN	PHỤ CẤP				THỰC NHẬN	KÝ NHẬN
				Điện thoại	Cơm ca	Nhà ở	Xăng xe		
1	NGUYỄN THẾ NHÂN	GIÁM ĐỐC	5.000.000	800.000	730.000	2.700.000	670.000	9.900.000	
2	ĐINH THỊ MAI PHƯƠNG	KẾ TOÁN	4.200.000	800.000	730.000	2.700.000	670.000	9.100.000	
3	TRẦN ĐỨC CHÍNH	KINH DOANH	4.200.000	800.000	730.000	2.800.000	970.000	9.500.000	
	Tổng		13.400.000	2.400.000	2.190.000	8.200.000	2.310.000	28.500.000	

Hình ảnh 2.8: Bảng thanh toán tiền lương tháng 05

- Từ ủy nhiệm chi, hóa đơn GTGT, phiếu chi, ...Kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết TK 642, Sổ cái TK 642 bằng phần mềm Excel.

Biểu 1: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2022

Số chứng từ	Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
A	B	C	D	1	E
NVK00006	Hạch toán tiền thuế môn bài 2022	642	3339	2.000.000	
PBCC00029	Phân bổ chi phí CCDC tháng 01 năm 2022	642	242	974.193	
...	...	...	...	...	...
NVK00009	Tính lương nhân viên tháng 05/2022	642	334	28.500.000	
...	...	...	...	...	...
UNC00035	Chi tiền phí tự động	642	1121	66.000	
...	...	...	...	...	...
NVK00027	Tính lương nhân viên tháng 12/2022	642	334	24.600.000	
PC000015	Xuất tiền mặt chi hành chính phí	642	1111	4.293.585	
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	911	197.729.097	
	CỘNG			197.729.097	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022.
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2: Sổ cái TK 642

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THỂ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số: S02c1-DN
*(Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2016 của Bộ Tài
chính)*

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)
Năm 2022
Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
01/01/2022	NVK00006	01/01/2022	Hạch toán tiền thuế môn bài 2022	3339	2.000.000	
31/01/2022	PBCC00029	31/01/2022	Phân bổ chi phí CCDC tháng 01 năm 2022	242	1.837.476	
...	...	...	...	...	...	...
15/04/2022	PC000010	15/04/2022	Xuất tiền mặt chi hành chính phí	1111	1.440.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2022	NVK00009	31/05/2022	Tính lương nhân viên tháng 05/2022	334	28.500.000	
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2022	NVK000010	30/06/2022	Tính lương nhân viên tháng 05/2022	334	24.600.000	
30/06/2022	NVK000011	30/06/2022	Trích BHXH, BHYT tính vào CPQL	338	4.920.000	
30/06/2022	PBCC00030	30/06/2022	Phân bổ chi phí CCDC tháng 06 năm 2022	242	934.293	
...	...	...	...	...	...	...

29/08/2022	UNC00035	29/08/2022	Chi tiền phí tự động	1121	66.000	
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2022	PBCC00031	30/09/2022	Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2022	242	1.401.439	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Tính lương nhân viên tháng 12/2022	334	24.600.000	
31/12.2022	PC000015	31/12.2022	Xuất tiền mặt chi hành chính phí	1111	4.293.585	
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911		197.729.097
			- Cộng số phát sinh		197.729.097	197.729.097
			- Số dư cuối kỳ			
			- Cộng tích lũy kể từ đầu năm		197.729.097	197.729.097

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3: Sổ chi tiết TK 642

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THỂ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số S02a-DN
 (Ban hành theo Thông tư
 số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ
 Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**NĂM 2022**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			<u>Đầu kỳ</u>			
01/01/2022	NVK00006	01/01/2022	Hạch toán tiền thuế môn bài 2022	3339	2.000.000	
31/01/2022	PBCC00029	31/01/2022	Phân bổ chi phí CCDC tháng 1 năm 2022	242	1.837.476	
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2022	NVK00009	31/05/2022	Tính lương nhân viên tháng 05/2022	334	28.500.000	
...	...	...	...	...	...	...
29/08/2022	UNC00035	29/08/2022	Chi tiền phí tự động	1121	66.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Tính lương nhân viên tháng 12/2022	334	24.600.000	
31/12/2022	PC000015	31/12/2022	Xuất tiền mặt chi hành chính phí	1111	4.293.585	
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911		197.729.097
			Cộng phát sinh		197.729.097	197.729.097
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập báo cáo
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.12 Kế toán thu nhập khác

Trong năm 2022, công ty không phát sinh các khoản thu nhập khác

2.13 Kế toán chi phí khác

Trong năm 2022, công ty không phát sinh các khoản chi phí khác

2.14 Kế toán chi phí thuế TNDN

2.14.1 Nội dung

Do năm 2022 công ty TNHH TM & DV Thế Nhân kinh doanh lỗ nên công ty không phải nộp thuế TNDN.

2.14.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.14.3 Chứng từ sử dụng

 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

2.14.4 Sổ sách sử dụng

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022 Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: [1]

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH TM - DV Thế Nhân

[07] Mã số thuế: 3100492456

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(61.483.708)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1=B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(61.483.708)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(61.483.708)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(61.483.708)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5-C7+C8)	C6	0
Trong đó:			
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
Trong đó:			
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lãi từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

2/3

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=H1+H2)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai/...

Ngày 20 tháng 03 năm 2023

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH TM-DV THẾ NHÂN.

Hình ảnh 2.9: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2022

2.15 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.15.1 Nội dung

Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

2.15.2 Chứng từ sử dụng



Phiếu kết chuyển

2.15.3 Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

2.15.4 Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 911
- Sổ chi tiết TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
- Chứng từ ghi sổ - Xác định kết quả kinh doanh

2.15.5 Quy trình ghi sổ

Cuối kỳ, kế toán thực hiện kết chuyển lãi, lỗ trên phần mềm Excel để xác định kết quả kinh doanh.

Biểu 1: Chứng từ ghi sổ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số S02a-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2022

Số chứng từ	Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
A	B	C	D	1	E
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	511	911	640.640.728	
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	515	911	4.507	
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	632	504.399.846	
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	911	642	197.729.097	
NVK00027	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	4212	911	61.483.708	
	CỘNG			702.128.943	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2: Sổ cái TK 911

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THỂ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.DỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số: S02c1-DN
*(Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2016 của Bộ Tài chính)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm 2022

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	4212		61.483.708
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	511		640.640.728
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	515		4.507
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	632	504.399.846	
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	642	197.729.097	
			- Cộng số phát sinh		702.128.943	702.128.943
			- Số dư cuối kỳ			
			- Cộng tích lũy kể từ đầu năm		702.128.943	702.128.943

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3: Sổ chi tiết TK 911

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN
Địa chỉ: 155 LÝ THÁNH TÔNG – TP.ĐỒNG HỚI – TỈNH QUẢNG BÌNH

Mẫu số S02a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài
 chính)

SỔ CHI TIẾT XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
NĂM 2022

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			<u>Đầu kỳ</u>			
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	5111		640.640.728
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	515		4.507
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	632	504.399.846	
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	642	197.729.097	
31/12/2022	NVK00027	31/12/2022	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2022	4212		61.483.708
			Cộng phát sinh		702.128.943	702.128.943
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập báo cáo
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

Mẫu số: **B 02**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH TM - DV Thế Nhân

[03] Mã số thuế: 3100492456

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		640.640.728	857.154.024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		640.640.728	857.154.024
4. Giá vốn hàng bán	11		504.399.846	719.904.060
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		136.240.882	137.249.964
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.507	4.606
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		197.729.097	193.446.526
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(61.483.708)	(56.191.956)
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(61.483.708)	(56.191.956)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(61.483.708)	(56.191.956)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Hình ảnh 2.10. Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THẾ NHÂN

3.1 Đánh giá thực trạng công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.

3.1.1 Nhận xét, đánh giá chung về công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.

Qua thời gian nghiên cứu thực tập tại Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân, được sự giúp đỡ của các anh chị trong công ty, em nhận thấy về công tác kế toán và hệ thống sổ sách của Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân tương đối hoàn chỉnh, bộ máy kế toán được bố trí khoa học, hợp lý, đội ngũ cán bộ đều có trình độ, có năng lực điều hành. Các phòng ban làm việc luôn tập trung cao độ, phân công công việc rõ ràng, có tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Cơ cấu quản lý và hạch toán ở Công ty được tổ chức rất chặt chẽ. Công ty đã áp dụng hình thức kế toán và phương pháp kế toán phù hợp với quy trình kinh doanh và đáp ứng mọi yêu cầu quản lý đặt ra. Chứng từ kế toán được quản lý chặt chẽ và mang tính pháp lý cao.

3.1.2 Ưu điểm

- *Về tổ chức bộ máy kế toán:* Bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ mà lại rất linh hoạt, thống nhất đảm bảo được yêu cầu của nhà quản lý, phù hợp với quy mô là doanh nghiệp nhỏ. Nhân viên được đào tạo qua chuyên ngành kế toán. Phòng kế toán được phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác đảm bảo được công tác kế toán tiến hành đúng kỳ hạn.

- *Về quy trình luân chuyển chứng từ:* Hệ thống chứng từ kế toán phản ánh tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh được sử dụng hợp lý, đúng mẫu quy định. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh các chứng từ kế toán đảm bảo nguyên tắc khách quan, các chứng từ kế toán được lập đều có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan. Việc lưu trữ và bảo quản các chứng từ của Công ty được sắp xếp một cách hợp lý, khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

- *Về hình thức sổ kế toán:* Công ty áp dụng hình thức sổ “chứng từ ghi sổ”, các sổ kế toán chi tiết là hợp lý, đảm bảo yêu cầu hạch toán tổng hợp, chi tiết, phù hợp với khối lượng công việc kế toán hiện nay.

- *Về phương pháp kế toán hàng tồn kho:* Công ty đang áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên giúp cho việc theo

đối, phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình xuất- nhập - tồn các loại sản phẩm, hàng hóa.

- *Về phương pháp tính giá hàng tồn kho:* Hiện tại Công ty tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ theo tháng vừa đơn giản, dễ làm chỉ cần tính một lần vào cuối kỳ.

- *Về việc ghi nhận doanh thu bán hàng:* Ở công ty được kế toán thực hiện theo đúng nguyên tắc và phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí, thuế,.. tạo điều kiện chính xác kết quả bán hàng.

- *Về hệ thống tài khoản:* Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản kế toán Ban hành theo *thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính* là phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quy mô của Công ty.

3.1.3 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm, hiện nay công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty còn có những mặt hạn chế cần khắc phục sau:

- *Về chính sách bán hàng của công ty:* Công ty chưa xây dựng khoản chiết khấu, giảm giá thích hợp cho khách hàng. Trong cơ chế hiện nay, việc giảm giá, chiết khấu là cần thiết để thu hút khách hàng và giữ lượng hàng nhằm mang lại hiệu quả cho việc tiêu thụ hàng hoá cho công ty.

- *Về chứng từ và sổ sách kế toán:* Công ty thực hiện hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. Hình thức này có khối lượng công việc lớn do số lượng ghi chép nhiều, có hiện tượng trùng lặp, không có sự kiểm tra đối chiếu thường xuyên, việc cung cấp thông tin khi có nhu cầu thường bị chậm.

- *Về phương pháp ghi sổ:* Công ty chưa áp dụng đúng phương pháp ghi sổ. Ở cột ‘giá vốn đơn vị’ không đúng theo quy định lập sổ mẫu S11-DN theo TT 200/2014/TT-BTC .

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản 156

Tháng 9 năm 2022

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Giá vốn đơn vị	Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	CUT 160I	Máy	2	45.783.636	-	-	22.891.818	-	-	2	45.783.636
2	Que hàn sắt KT421 D2.5 20kg/thùng	Kg	40	1.160.000	20	574.545	28.909	-	-	60	1.734.545
3	Máy hàn MMA – 200HQ	Máy	3	8.424.000	-	-	2.808.000	-	-	3	8.424.000
4	Que hàn sắt KT421 D3.2 20kg/thùng	Kg	20	554.545	-	-	27.727	10	227.270	10	328.275
5	Que hàn sắt KT421 D4.0 20kg/thùng	Kg	20	554.545	-	-	27.727	-	-	20	554.545
6	Máy hàn ARC – 200N	Máy	7	7.716.546	-	-	1.102.364	-	-	7	7.716.546
7	Dây hàn MAG 70S6 D1.015kg/cuộn RL 250	Kg	1.255	40.429.118	-	-	32.214	00	3.221.400	1.155	37.207.718
8	Máy hàn que MMA inverter 250 Ampe 220 – MMA 250 PRO	Cái	2	9.987.500	3	15.300.000	5.507.500	-	-	5	25.287.500
9	Máy hàn MIG Inverter 200 Ampe 220V- MIG 200 PRO	Cái	-	-	2	19.063.890	9.531.945	1	9.531.945	1	9.531.945
10	Máy hàn MMA-200HQ	Cái	3	7.658.181	-	-	2.552.727	-	-	3	7.658.181
11	Biến thế hàn 400A (Dây nhôm 380V)	Máy	-	-	2	16.166.667	8.083.334	-	-	2	16.166.667
12	Dây hàn VQ – 70S 0.8mm	Kg	5	125.375	-	-	25.075	-	-	5	125.375
13	Máy hàn điện 300N	Cái	1	5.325.300	-	-	5.325.300	1	5.325.300	-	-

- Về việc kết chuyển doanh thu, chi phí: Công ty chỉ kết chuyển doanh thu, chi phí một lần vào cuối năm tài chính, dẫn đến công việc dồn nhiều vào cuối năm, các sai sót khó kiểm soát được hết và không theo dõi được tình hình lợi nhuận thực tế của từng tháng để có phương án điều tiết về chi phí và phương pháp tăng doanh thu.

- Về phần mềm kế toán: Công ty không sử dụng phần mềm kế toán, điều này khiến cho kế toán tiếp nhận một khối lượng công việc tương đối lớn, mọi ghi chép đều phải làm thủ công gây mất thời gian và có rủi ro sai sót cao đồng thời giảm đi hiệu quả kinh tế.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.

Qua thực tập tại công ty TNHH TM & DV Thế Nhân em đã nghiên cứu tình hình thực tế tại công tác kế toán bán hàng và xác định KQKD, em xin mạnh dạn đưa ra những suy nghĩ, ý kiến của mình với mong muốn góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

3.2.1 Yêu cầu hoàn thiện công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.

Phương hướng hoàn thiện công tác kế toán bán hàng cũng như hoàn thiện công tác kế toán nói chung, muốn có tính khả thi trước hết phải đáp ứng yêu cầu sau:

❖ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý nền kinh tế của nhà nước và mỗi quốc gia đều có một cơ chế quản lý kinh tế tài chính nhất định và xây dựng luôn một chế độ kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính của mình. Việc tổ chức công tác kế toán ở đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc rập khuôn hoàn toàn theo chế độ, tôn trọng cơ chế.

❖ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh.

❖ Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

❖ Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là có lãi đem lại hiệu quả cao.

3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thế Nhân.

❖ *Về chính sách bán hàng của công ty:*

Công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu để thu hút khách hàng và giữ lượng hàng nhằm mang lại hiệu quả cho việc tiêu thụ hàng hoá cho công ty. Công ty nên áp dụng phương thức khuyến mãi chiết khấu thương mại khi mua với số lượng lớn, thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được khách hàng. Bằng biện pháp khuyến mãi này có thể công ty còn tăng được khối lượng khách hàng trong tương lai. Và còn góp phần đảm bảo trong việc quản lý công nợ với khách hàng, đặc biệt nhanh chóng thu hồi vốn để tiếp tục đầu tư sản xuất kinh doanh nên là công ty cần áp dụng chiết khấu thanh toán trong chính sách bán hàng.

❖ *Về phương pháp ghi sổ:*

Công ty nên áp dụng theo mẫu ghi sổ dưới đây để đảm bảo tính chính xác của chứng từ.

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S11-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài
chính)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tài khoản: ...

Tháng ... năm ...

STT	Tên, qui cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
	Cộng				

❖ *Về việc hoàn thiện kế toán máy:*

- Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán giúp nhân viên kế toán hạn chế lỗi khi tính toán mà còn cho những báo cáo, phân tích mà khó có thể thấy trên giấy tờ như dự báo doanh số trong quý tới, xác định hàng tồn kho, đầu là mặt hàng/dịch vụ ít sinh lời, v.vv.. Một số phần mềm kế toán phổ biến hiện nay như: MISA; BRAVO; FAST Accouting,...

❖ *Về việc kết chuyển doanh thu, chi phí:*

- Cuối tháng, Công ty nên kết chuyển doanh thu, chi phí để các sai sót có thể kiểm soát tốt, giúp công ty theo dõi được tình hình lợi nhuận thực tế của từng tháng để có phương án điều tiết về chi phí và phương pháp tăng doanh thu.

KẾT LUẬN

Qua quá trình học tập trên ghế nhà trường và được thực tập tại Công Ty TNHH TM&DV Thế Nhân, em thấy rằng việc học tập và thực tế là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau, nhưng nó lại hỗ trợ đắc lực cho nhau. Và cũng qua đợt thực tập này em thấy Công Ty TNHH TM&DV Thế Nhân có một đội ngũ nhân viên luôn nhiệt tình với công việc nên đã giúp Công ty rất nhiều trong hoạt động kinh doanh, góp phần cho Công ty tạo dựng được chỗ đứng trên thị trường.

Đặc biệt là qua quá trình đi sâu nghiên cứu về đề tài: ***“Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Thế Nhân”*** em cảm thấy kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình kinh doanh, tổ chức khâu tiêu thụ tốt mới có hy vọng kết quả khả quan. Kết quả cuối cùng mới đánh giá được thực chất năng lực kinh doanh, khẳng định được vị thế của các doanh nghiệp. Điều đó đòi hỏi bộ máy quản lý phải có đầy đủ kiến thức tổng hợp và chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế, tổ chức và quản lý có thể tạo chiến lược kinh doanh lâu dài cho Công ty. Trong chiến lược về quản lý kế toán giữ một vai trò hết sức quan trọng, cung cấp thông tin cần thiết cho việc quyết định của ban giám đốc, Vì vậy việc hạch toán khoa học và hợp lý toàn bộ công tác kế toán đặc biệt kế toán trong khâu bán hàng và xác định kết quả có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển Công ty.

Với mong muốn được góp phần nhỏ bé của mình vào việc hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán hoạt động kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh sau quá trình học tập và nghiên cứu tìm hiểu thực tế tại Công Ty TNHH TM & DV Thế Nhân. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, nêu lên những mặt tích cực và những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán bán hàng tại Công Ty TNHH TM & DV Thế Nhân. Tuy nhiên do hạn chế về hiểu biết và kinh nghiệm thực tế nên em không tránh khỏi sai sót khi viết chuyên đề này, vì vậy em mong sự góp ý và giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn và các nhà quản lý công ty để hoàn thiện hơn.

PHỤ LỤC

Phụ lục số 01: Giấy phép kinh doanh của công ty TNHH TM&DV Thế Nhân

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3100492456
Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 10 năm 2009
Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 09 tháng 05 năm 2022

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM - DV THẾ NHÂN
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính
155 Lý Thánh Tông, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
Điện thoại: *DD: 0983386772* Fax:
Email: Website:

3. Vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THẾ NHÂN	Việt Nam	155 Lý Thánh Tông, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	2.500.000.000	83,333	044072010898	

Thế Nhân *Thế Nhân*

Phụ lục số 02: Giấy phép kinh doanh của công ty TNHH TM&DV Thế Nhân

2	HOÀNG THỊ HỒNG THẨM	Việt Nam	155 Lý Thánh Tông, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	500.000.000	16,667	044179008110	
---	---------------------------	----------	--	-------------	--------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THẾ NHÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 06/12/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 044072010898

Ngày cấp: 28/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 155 Lý Thánh Tông, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh
Quảng Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 155 Lý Thánh Tông, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng
Bình, Việt Nam

Handwritten signature

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Chi Việt

Tài liệu tham khảo:

- *Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.*
- *Bài giảng Kế toán thương mại Bộ giáo dục và đào tạo Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng*
- *Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung (VAS 01)*
- *Tài liệu kế toán của Công ty TNHH TM&DV Thế Nhân*